

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **429**/KH-UBND

Quảng Trị, ngày **30** tháng **01** năm 2025

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị năm 2026

Phần I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NĂM 2025

Qua rà soát, đánh giá tổng thể 20 chỉ tiêu chính đã đặt ra trong Kế hoạch năm 2025, kết quả cụ thể như sau:

Có 09 chỉ tiêu đã hoàn thành và vượt mức kế hoạch (chiếm tỷ lệ 45%). Các chỉ tiêu này tập trung chủ yếu ở nhóm hạ tầng số và chính quyền số (Điện hình như: Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt 74,2%; Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt 94,95%; Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 96,99%; Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây đạt 96%; Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt 79,2%).

Có 11 chỉ tiêu chưa đạt mục tiêu đề ra (chiếm tỷ lệ 55%). Các chỉ tiêu chưa đạt phần lớn thuộc nhóm phát triển nguồn nhân lực số, kết nối chia sẻ dữ liệu số (tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương đạt 15%) và các chỉ tiêu về Kinh tế số (tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số đạt 22%).

(Số liệu chi tiết và so sánh với mục tiêu 2026, định hướng 2030 tại Phụ lục I)

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số tại các bộ, ngành, địa phương

a) Kết quả đạt được:

Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với việc triển khai chủ trương sáp nhập tỉnh và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số được thực hiện xuyên suốt, đồng bộ qua hai giai đoạn: Giai đoạn trước sáp nhập, các đơn vị hành chính cũ đã chủ động ban hành kế hoạch, duy trì hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số, đảm bảo các nhiệm vụ được triển khai liên tục, không bị gián đoạn. Giai đoạn sau sáp nhập, ngay sau khi ổn định tổ chức, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 về thành lập Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Quảng Trị và chỉ đạo thành lập 03 Tổ Công tác giúp việc cho Ban Chỉ đạo gồm: Tổ Công tác

về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số¹ (trừ đơn đốc các nhiệm vụ liên quan đến chuyển đổi số gắn với Đề án 06) do đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ làm Tổ Trưởng. Tổ Công tác triển khai Đề án 06, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06² (đơn đốc các nhiệm vụ liên quan đến cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06) do đồng chí Giám đốc Công an tỉnh làm Tổ Trưởng. Tổ Công tác cải cách hành chính³ (trừ đơn đốc cải cách thủ tục hành chính gắn với Đề án 06) do đồng chí Giám đốc Sở Nội vụ làm Tổ Trưởng.

Trên cơ sở bộ máy được kiện toàn, công tác chỉ đạo, điều hành được thực hiện quyết liệt thông qua 04 phiên họp Ban Chỉ đạo, 05 cuộc họp chuyên đề, ban hành 10 thông báo kết luận và hơn 25 văn bản chỉ đạo nhằm tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn về thể chế, hạ tầng, nhân lực và kinh phí. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo duy trì nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng gửi Trung ương và Tỉnh ủy; song song đó, lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chủ trì làm việc với các đơn vị để giải quyết ngay các vướng mắc trong triển khai Đề án 06, số hóa hồ sơ và vận hành các hệ thống thông tin dùng chung.

Đặc biệt, nhằm đáp ứng yêu cầu sắp xếp đơn vị hành chính, UBND tỉnh đã chỉ đạo hiệu chỉnh mở rộng Hệ thống chính quyền điện tử phục vụ mô hình chính quyền 02 cấp và ban hành Phương án bảo đảm hạ tầng số. Tỉnh đã thành lập 07 Tổ công tác hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức tập huấn và thiết lập 36 nhóm Zalo (gồm 18 nhóm hỗ trợ Hệ thống hồ sơ công việc, 18 nhóm hỗ trợ Công dịch vụ công) để đảm bảo các xã, phường, đặc khu vận hành thông suốt trước và sau thời điểm 01/7/2025. Những kết quả trên đã khẳng định bước đổi mới mạnh mẽ trong phương thức lãnh đạo, gắn kết chặt chẽ giữa chuyển đổi số với cải cách hành chính và hiện đại hóa nền công vụ.

b) Tồn tại, hạn chế:

Mặc dù đã đạt được những kết quả tích cực, vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu tại một số cơ quan, đơn vị chưa được phát huy đúng mức, công tác chỉ đạo còn thiếu quyết liệt; việc kiểm tra, giám sát và đơn đốc thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ sở chưa được duy trì thường xuyên, liên tục.

2. Về công tác hoàn thiện thể chế số

2.1. Công tác xây dựng, ban hành các chương trình, đề án, kế hoạch, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số

¹ Quyết định số 03/QĐ-BCĐ ngày 11/8/2025 của Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Quảng Trị về thành lập Tổ Công tác về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị

² Quyết định số 04/QĐ-BCĐ ngày 13/8/2025 của Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Quảng Trị về thành lập Tổ Công tác triển khai Đề án 06, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 tỉnh Quảng Trị

³ Quyết định số 05/QĐ-BCĐ ngày 18/8/2025 của Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Quảng Trị về thành lập Tổ Công tác Cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị

a) Kết quả đạt được:

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và các chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Quảng Trị đã tổ chức triển khai nghiêm túc, đồng bộ, toàn diện. Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo được thành lập. Thành lập các tổ công tác giúp việc: Tổ công tác liên ngành giám sát, hỗ trợ triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW; Tổ công tác về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh. Các doanh nghiệp thành lập Tổ Công tác đối ứng triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW.

Năm 2025, tỉnh Quảng Trị đã ban hành hơn 65 văn bản quy phạm, thể chế, kế hoạch, quy chế và hướng dẫn thuộc các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Trong đó, nhiều văn bản mang tính định hướng chiến lược, cụ thể hóa các mục tiêu của Nghị quyết 57-NQ/TW như quy định về cơ chế quản lý, đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và quy chế vận hành hệ thống thông tin dùng chung toàn tỉnh. Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 06-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ngày 10/12/2025 về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên cả 3 trụ cột là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; ban hành Kế hoạch hành động số 09-KH/TU ngày 31/7/2025, xác định rõ 5 nhóm nhiệm vụ trọng tâm: hoàn thiện thể chế, phát triển hạ tầng số, đào tạo nguồn nhân lực, thúc đẩy khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, xây dựng xã hội số,

UBND tỉnh đã cụ thể hóa các chủ trương này qua nhiều văn bản chỉ đạo xuyên suốt trong năm, như: Kế hoạch số 635/KH-UBND, ngày 22/8/2025 về Triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW và Nghị quyết 71/NQ-CP; Kế hoạch số 682/KH-UBND ngày 27/08/2025 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Kế hoạch số 1334/KH-UBND ngày 10/10/2025 về triển khai hạ tầng 5G và IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đến năm 2026; Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 22/7/2025 về triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Kế hoạch số 1212/KH-UBND ngày 02/10/2025 về tổ chức Ngày Chuyển đổi số quốc gia, Ngày Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị năm 2025; Kế hoạch số 1125/KH-UBND ngày 25/9/2025 về triển khai Thỏa thuận hợp tác về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2025-2030; Kế hoạch triển khai thi hành Luật Công nghiệp Công nghệ số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Kế hoạch số 2335/KH-UBND ngày 10/12/2025 về triển khai thực hiện chiến lược dữ liệu đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Kế hoạch số 2308/KH-UBND ngày 09/12/2025 về nâng cao xếp hạng Chỉ số Chuyển đổi số (DTI) tỉnh Quảng Trị

năm 2025. Hiện tỉnh đang trình HĐND tỉnh sớm ban hành Nghị quyết Quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị;

Song song với đó, Ban Chỉ đạo tỉnh đã ban hành Chương trình công tác năm 2025 và Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 06/08/2025 để chỉ đạo xuyên suốt các nhiệm vụ trọng tâm.

Quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Trị; Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 2931/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 phê duyệt Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”.

Công tác chỉ đạo, điều hành được cụ thể hóa bằng các văn bản đơn đốc, tháo gỡ khó khăn kịp thời, điển hình là Văn bản số 541/UBND-KGVX ngày 18/8/2025 thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng, hình thành mạng lưới gần 8.000 thành viên tại cơ sở; Văn bản số 790/UBND-KGVX ngày 04/9/2025 đơn đốc nhiệm vụ tháng 9 và Thông báo số 02-TB/CQTTCĐ ngày 01/10/2025 kết luận của Trưởng Ban Chỉ đạo tại Hội nghị quý III, tập trung giải quyết các điểm nghẽn về kinh phí, hạ tầng và nhân lực.

Sự lan tỏa về thể chế đã đi vào chiều sâu khi 100% sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu đã ban hành kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 635/KH-UBND, Kế hoạch bình dân học vụ số và Ngày chuyển đổi số. Đặc biệt, các cơ quan chuyên môn đã chủ động ban hành hơn 40 kế hoạch chuyên đề tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho hoạt động chuyển đổi số trên toàn tỉnh.

b) Tồn tại, hạn chế:

Mặc dù địa phương đã rất nỗ lực, nhưng quá trình hoàn thiện thể chế vẫn gặp khó khăn khách quan do một số văn bản hướng dẫn của Trung ương về tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế trong lĩnh vực CNTT ban hành chậm, gây vướng mắc trong lập dự toán và triển khai dự án. Bên cạnh đó, sự thiếu đồng bộ trong quy định hiện hành giữa các lĩnh vực (tài nguyên - môi trường, tư pháp, giáo dục, y tế) cũng đang làm chậm tiến độ tích hợp dữ liệu lên Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

2.2. Công tác tổ chức triển khai thực hiện

a) Kết quả đạt được:

Công tác tổ chức thực hiện được triển khai bài bản thông qua việc UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương lồng ghép nội dung chuyển đổi số vào kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội hằng năm, gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ cải cách hành chính và chuyển đổi phương thức điều hành. Với vai trò cơ quan thường trực, Sở Khoa học và Công nghệ đã duy trì thường xuyên công

tác đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn và tổng hợp báo cáo định kỳ theo quy định. Đến nay, mạng lưới tổ chức đã được phủ rộng khi 100% cơ quan, đơn vị, xã, phường, đặc khu hoàn thành kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng và thành lập Ban chỉ đạo chuyên đổi số cấp cơ sở. Đặc biệt, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị ngày càng được cải thiện, cùng sự đồng hành chủ động của các doanh nghiệp viễn thông (VNPT, Viettel, MobiFone, FPT...) trong phát triển hạ tầng, dịch vụ số đã tạo nên sức mạnh tổng hợp thúc đẩy chuyển đổi số tại địa phương.

b) Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những kết quả tích cực, tiến độ triển khai một số nhiệm vụ vẫn còn chậm so với yêu cầu; công tác phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, đơn vị đôi lúc chưa đảm bảo tính kịp thời. Ngoài ra, hoạt động giám sát, đánh giá định kỳ chưa thực sự sâu sát, đòi hỏi cần tiếp tục tăng cường mạnh mẽ hơn trong năm 2026.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được:

Ngày 10/10/2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 1334/KH-UBND về Triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2026. Theo đó, UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho các đơn vị liên quan phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, làm nền tảng cho việc triển khai các ứng dụng IoT tiên tiến. Sở Khoa học và Công nghệ chỉ đạo các Doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn đẩy nhanh phát triển hạ tầng mạng viễn thông phủ sóng 5G trên địa bàn tỉnh; đến nay toàn tỉnh có 527 trạm 5G, phủ sóng cho 74,2% dân số.

Đối với hạ tầng dùng chung phục vụ cơ quan nhà nước, 100% cơ quan hành chính từ cấp tỉnh đến cấp xã đã được trang bị máy tính, kết nối mạng nội bộ (LAN) và kết nối thông suốt vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng, đảm bảo an toàn, bảo mật. Đặc biệt, hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đã được triển khai đồng bộ từ tỉnh đến xã, cùng với hệ thống hạ tầng dữ liệu được củng cố theo mô hình tập trung, kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP), đã phục vụ đắc lực cho công tác chỉ đạo, điều hành và khai thác dữ liệu dùng chung giữa các cơ quan, đơn vị.

b) Tồn tại, hạn chế:

Mặc dù hạ tầng đã được cải thiện đáng kể, song vẫn còn một số khu vực miền núi, vùng sâu, vùng biên giới, ven biển tồn tại vùng lõm sóng hoặc kết nối Internet thiếu ổn định. Mặt khác, hệ thống thiết bị công nghệ thông tin tại một số đơn vị cấp xã đã xuống cấp, hiệu năng thấp, chưa theo kịp yêu cầu vận hành các ứng dụng chuyên đổi số, trong khi nguồn lực kinh phí cho công tác bảo trì, thay thế còn gặp nhiều khó khăn.

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

a) Kết quả đạt được:

Công tác bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng số trong năm 2025 được triển khai quyết liệt, đa dạng hóa hình thức và đối tượng đào tạo, đặc biệt là việc cập nhật các xu hướng công nghệ mới. Tỉnh đã tổ chức 02 lớp tập huấn về AI-ChatGPT cho hơn 20.000 công chức, viên chức, học sinh, sinh viên và hơn 800 doanh nghiệp, hợp tác xã; đồng thời phổ biến rộng rãi Cổng đào tạo AI (<https://aicongdong.ptit.edu.vn>) và nền tảng “Bình dân học vụ số” (<https://binhdanhocvuso.gov.vn>). Công tác đào tạo chuyên sâu được chú trọng với 12 lớp tư vấn ứng dụng chuyển đổi số cho cộng đồng, doanh nghiệp và 20 lớp tập huấn vận hành các hệ thống thông tin dùng chung cho hơn 9.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức. Đến cuối năm 2025, hiệu quả đào tạo được thể hiện rõ nét qua tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có kỹ năng số cơ bản đạt 95,5%, trong đó cấp xã đạt 69%.

Thực hiện Công văn số 541/UBND-KGVX ngày 18/8/2025 của UBND tỉnh về thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; nhiều xã, phường, đặc khu đã ban hành quyết định thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 của thôn, bản, xã dân phố. Đến nay, toàn tỉnh đã thành lập 1.755 Tổ Công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 với 13.012 thành viên. Đây là lực lượng nòng cốt tại cơ sở thực hiện “cầm tay, chỉ việc”, hỗ trợ, giải đáp vướng mắc kịp thời cho người dân. Trong năm 2025, các Tổ Công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 trên toàn tỉnh đã phối hợp với các đơn vị có liên quan (điển hình là Công an tỉnh, các doanh nghiệp viễn thông, các ngân hàng thương mại...) triển khai chiến dịch ra quân “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người dân kỹ năng số, sử dụng các dịch vụ số” với các nội dung: (1) Hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến (Cấp Căn cước; Đăng ký cư trú; Đăng ký xe mô tô, xe máy, xe máy điện,...); (2) Hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt; (3) Hướng dẫn sử dụng nền tảng công dân số Quang Tri-S; (4) Hướng dẫn bảo vệ bản thân và gia đình trên môi trường mạng; (5) Hướng dẫn tìm kiếm thông tin hiệu quả trên Internet; (6) Hướng dẫn, hỗ trợ cài đặt ứng dụng VNelD và tăng cường việc kích hoạt tài khoản định danh điện tử.

b) Tồn tại, hạn chế:

Mặc dù đã có nhiều giải pháp tăng cường, song nguồn nhân lực chuyên trách về công nghệ thông tin và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh vẫn còn thiếu, nhất là ở cấp xã. Đa số cán bộ tại đây hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, chưa được đào tạo chuyên sâu, dẫn đến năng lực vận hành hệ thống thông tin và hướng dẫn người dân có lúc, có nơi còn hạn chế.

5. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được:

Hạ tầng dữ liệu của tỉnh đã có bước phát triển quan trọng khi các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung đi vào hoạt động ổn định, thông suốt. Tính đến nay, 15% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với trung ương, trong đó 26,8% dữ liệu các sở, ban, ngành được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh. Thông qua nền tảng LGSP, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đã hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; nền tảng định danh và xác thực điện tử quốc gia (VNeID) và hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp. Đồng thời, tỉnh đã kết nối thành công với các hệ thống chuyên ngành của các Bộ, bao gồm: Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử và Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp dùng chung của Bộ Tư pháp (phục vụ dịch vụ công Đăng ký khai sinh, Đăng ký khai tử, Đăng ký kết hôn, Cấp phiếu lý lịch tư pháp); Cổng dịch vụ công của Bộ Tài chính (Dịch vụ công trực tuyến Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách); tích hợp Hệ thống DVCTT lĩnh vực đường bộ trong nước (<http://qlvt.mt.gov.vn>) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải (nay là Sở Xây dựng) lên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đặc biệt, tỉnh đã triển khai hiệu quả Phần mềm dịch vụ công liên thông do Bộ Công an quản lý để triển khai liên thông điện tử đối với 02 nhóm thủ tục hành chính theo Nghị định số 63/2024/NĐ-CP (gồm: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi; Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng, trợ cấp mai táng) và hoàn thành kết nối chính thức Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với ứng dụng cấp phiếu Lý lịch tư pháp trên VNeID.

Song song với công tác kết nối, việc chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu bước đầu được chú trọng thông qua việc các sở, ban, ngành rà soát chuẩn hóa cấu trúc và triển khai quy trình cập nhật, đối chiếu định kỳ. Kết quả nổi bật là tỷ lệ kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt 91,02%, được lưu trữ điện tử trên hệ thống quản lý tập trung, giúp giảm tải lưu trữ giấy và thuận tiện tra cứu. Bên cạnh đó, công tác khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp từng bước được mở rộng; một số cơ quan đã triển khai chuyên mục dữ liệu mở trên Cổng thông tin điện tử về quy hoạch, đất đai, du lịch, thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận.

b) Tôn tại, hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống chuyên ngành còn gặp nhiều vướng mắc do khác biệt về định dạng, quy trình quản lý và đặc biệt là việc một số Bộ, ngành Trung ương chậm ban hành kế hoạch, hướng dẫn kỹ thuật triển khai đối với các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung (*theo danh mục tại Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025*), gây khó khăn cho địa phương trong việc chủ động đầu tư, kết nối và đồng bộ dữ liệu; trong khi đó, một số cơ quan, đơn vị khai thác thông tin còn thụ

động, thiếu chủ động trong cập nhật.

6. An toàn thông tin

a) Kết quả đạt được:

Ngay sau khi sáp nhập, công tác bảo đảm an toàn thông tin đã được kiện toàn về tổ chức thông qua việc thành lập Tiểu ban An toàn, an ninh mạng của tỉnh và tổ chức kiểm tra, hướng dẫn đồng bộ tại các cấp. Công tác quản lý nhà nước đi vào chiều sâu với việc triển khai bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; đến nay đã thẩm định, trả lời 81 hồ sơ đề xuất và triển khai giám sát 100% hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh theo phương án 1195. Hiệu quả kỹ thuật được khẳng định rõ nét trong năm 2025 khi các lực lượng chức năng đã phát hiện, kiến nghị, phối hợp khắc phục 03 lỗ hổng nghiêm trọng; đồng thời vô hiệu hóa 134 đường dẫn quảng cáo trái phép (cá độ, game bài...) tại 04 Cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan Đảng, Nhà nước.

Song song với giải pháp kỹ thuật, công tác tuyên truyền và nâng cao năng lực ứng phó được chú trọng triển khai. Tỉnh đã thực hiện hiệu quả nhiệm vụ tác chiến truyền thông, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái; tổ chức 07 Hội nghị tuyên truyền phổ biến pháp luật, 02 Kế hoạch tập huấn nâng cao kiến thức và 01 cuộc diễn tập thực chiến. Đặc biệt, tỉnh đã chủ động ban hành phương án bảo đảm an ninh mạng phục vụ Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ I (nhiệm kỳ 2025 – 2030); đổi mới phương thức tiếp cận qua việc tổ chức Hội nghị kết nối KOL và chiến dịch “Không một mình – Cùng nhau an toàn trực tuyến” nhằm bảo vệ thanh thiếu niên trên không gian mạng.

b) Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những kết quả tích cực, công tác bảo đảm an toàn thông tin vẫn đối mặt với thách thức do nguồn nhân lực chuyên trách tại các cơ quan, đơn vị còn mỏng, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu giám sát, ứng trực 24/7. Mặt khác, nguồn kinh phí đầu tư cho các hệ thống bảo mật chuyên sâu, trang thiết bị giám sát còn hạn hẹp so với nhu cầu thực tế. Tiến độ phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn tại một số đơn vị cấp xã còn chậm; trong khi nhận thức và kỹ năng tự bảo vệ dữ liệu của một bộ phận cán bộ, công chức chưa đồng đều, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn thông tin từ yếu tố con người.

7. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được:

Trong năm 2025, UBND tỉnh Quảng Trị đã tập trung chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện và vận hành đồng bộ hạ tầng, nền tảng, ứng dụng phục vụ Chính quyền số, từng bước chuyển đổi mô hình quản lý, điều hành sang môi trường số, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, góp phần cải cách thủ tục hành chính và phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.
Cụ thể:

Hệ thống quản lý văn bản điện tử vận hành từ 01/7/2025; tích hợp phần mềm theo dõi nhiệm vụ của UBND tỉnh. 100% cơ quan hành chính cấp tỉnh và cấp xã đã sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành điện tử, tỷ lệ văn bản ký số điện tử đạt trên 95%, bảo đảm kết nối thông suốt với Trục liên thông văn bản quốc gia. Thiết lập 18.457 tài khoản; gửi nhận văn bản điện tử với Trung ương thông suốt, đáp ứng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Phát sinh 909.662 văn bản (704.394 đến, 205.268 đi); gửi 53.488 và nhận 34.952 văn bản qua Trục liên thông.

Hệ thống Một cửa điện tử và Cổng dịch vụ công của tỉnh đã được nâng cấp, tích hợp đầy đủ chức năng xử lý hồ sơ trực tuyến, thanh toán điện tử, phản ánh hiện trường, góp phần cải thiện chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Các cơ quan, đơn vị từng bước áp dụng chữ ký số, hồ sơ điện tử, giảm mạnh việc sử dụng văn bản giấy.

Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh: Hợp nhất và sử dụng chính thức từ 01/7/2025; đã cấp 17.436 tài khoản cho cơ quan Đảng và chính quyền; vận hành ổn định, bảo đảm trao đổi công việc hiệu quả. Đến nay, toàn tỉnh có 2.151 tổ chức và 27.725 cá nhân đã được cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ đang hoạt động. Tỉnh đã mở rộng cấp chứng thư số cho các tổ chức chính trị – xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và các Trung tâm Hành chính công cấp xã nhằm tăng cường hiệu quả giao dịch điện tử, giảm chi phí vận hành. Công tác bảo mật, quản lý thiết bị chứng thư số được thực hiện theo quy trình thống nhất, được Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh quản lý tập trung.

Các nền tảng, ứng dụng số của tỉnh Quảng Trị đã được triển khai tương đối đồng bộ, hình thành nền tảng kỹ thuật cho chính quyền số và đô thị thông minh. Hệ thống Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh được vận hành hiệu quả, đã được tích hợp nhiều nguồn dữ liệu về kinh tế - xã hội, giải quyết thủ tục hành chính, giáo dục, y tế, phản ánh kiến nghị của người dân... giúp lãnh đạo tỉnh và các đơn vị trực thuộc giám sát, nắm bắt tình hình, ra quyết định điều hành kịp thời, dựa trên dữ liệu thực tế. Ứng dụng Công dân số QUANGTRI-S vận hành ổn định, cung cấp dịch vụ công, tiện ích số và kênh tương tác giữa người dân với chính quyền; kết nối dữ liệu các sở, ngành và UBND cấp xã, tích hợp Hệ thống phản ánh hiện trường. Hệ thống đã tiếp nhận 1.372 phản ánh, xử lý 1.120, từ chối 252 phản ánh không đủ điều kiện. Ứng dụng đạt 13.370 lượt tải, 16.506 tài khoản đăng ký, đăng tải 129 tin bài truyền thông, cảnh báo, đồng thời cung cấp thông tin về các sản phẩm, dịch vụ thiết yếu của doanh nghiệp.

b) Tồn tại, hạn chế:

Một số cơ quan, đơn vị chưa khai thác hết tính năng của hệ thống điều hành điện tử; tỷ lệ văn bản điện tử có ký số tuy đạt cao nhưng chưa đồng đều giữa các đơn vị. Việc tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo

hướng điện tử ở cấp xã vẫn còn hạn chế do nhân lực và thiết bị chưa đồng bộ.

8. Kinh tế số và Xã hội số

a) Kết quả đạt được:

Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh ngày càng tăng, đặc biệt trong các lĩnh vực thương mại điện tử, du lịch, logistics và dịch vụ công. Lĩnh vực thanh toán không dùng tiền mặt được mở rộng, các trường học và cơ sở y tế trên địa bàn đã áp dụng hình thức thanh toán học phí, viện phí trực tuyến qua ngân hàng hoặc ví điện tử; các doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử, góp phần tăng hiệu quả quản lý thuế và minh bạch hóa giao dịch. Toàn tỉnh có 22% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

Tỉnh Quảng Trị đã chú trọng triển khai các nền tảng phục vụ người dân và doanh nghiệp trên môi trường số, hướng đến hình thành xã hội số và công dân số. Đến nay, toàn tỉnh có 1.645.238 thuê bao điện thoại, đạt mật độ 103,2 thuê bao/100 dân, trong đó 16.661 thuê bao cố định và 1.628.577 thuê bao di động, 74,3% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh, 87,2% hộ gia đình có thiết bị di động và 84,61% hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang (FTTH). Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông đạt 70%. Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID) đạt 80,6%; người dân đã tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID đạt 23,8%; 81% doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký tài khoản định danh điện tử; 81,3% đăng ký chi trả lương hưu, các chế độ bảo hiểm xã hội qua tài khoản; 94,3% dữ liệu đăng ký kết hôn được rà soát, làm sạch; 28/28 bệnh viện (đạt tỷ lệ 100%) công bố triển khai bệnh án điện tử.

b) Tôn tại, hạn chế:

Kinh tế số và xã hội số của tỉnh vẫn đối mặt một số hạn chế: nhiều doanh nghiệp nhỏ và hộ kinh doanh chưa đủ nguồn lực đầu tư công nghệ; hạ tầng viễn thông vùng sâu, vùng xa chưa ổn định; kỹ năng số của người dân nông thôn còn hạn chế; Tổ công nghệ số cộng đồng chủ yếu kiêm nhiệm, thiếu công cụ và kinh phí hoạt động.

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Trong năm 2025, UBND tỉnh Quảng Trị đã chỉ đạo tổ chức đồng bộ, hiệu quả các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, phổ cập kỹ năng số trên toàn tỉnh, tạo hiệu ứng lan tỏa sâu rộng, góp phần nâng cao nhận thức, thúc đẩy sự tham gia của toàn xã hội trong công cuộc chuyển đổi số. Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về Ngày Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị, cùng với Kế hoạch số 1212/KH-UBND ngày 02/10/2025 về tổ chức Ngày Chuyển đổi số quốc gia và Ngày Chuyển đổi số tỉnh năm 2025,

các sở, ban, ngành, địa phương đã tổ chức hàng loạt hoạt động truyền thông, tọa đàm, triển lãm, thi tìm hiểu chuyên đổi số, ra quân hướng dẫn kỹ năng số cho người dân.

100% sở, ngành, địa phương treo băng rôn, khẩu hiệu, triển khai bộ nhận diện Ngày Chuyển đổi số, cập nhật thông tin, banner truyền thông trên các Cổng, Trang thông tin điện tử và nền tảng mạng xã hội chính thống. Báo và phát thanh, truyền hình Quảng Trị và hệ thống truyền thanh cơ sở tăng thời lượng phát sóng, mở chuyên mục chuyên đề về chuyển đổi số, tuyên truyền thông điệp, chính sách, mô hình, gương điển hình tiên tiến. Các trang mạng xã hội của các xã, phường và Trang thông tin điện tử của các sở, ngành hoạt động tích cực, thường xuyên đăng tải tin, bài, hình ảnh về chuyển đổi số, giúp lan tỏa thông tin nhanh, rộng, dễ tiếp cận đến người dân, doanh nghiệp.

Tổ công nghệ số cộng đồng được phát huy mạnh mẽ, trở thành lực lượng nòng cốt trong truyền thông cơ sở. Các tổ đã phối hợp với doanh nghiệp viễn thông, ngân hàng, công an tổ chức chiến dịch “Đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người dân” trong 07 ngày, hướng dẫn hàng nghìn lượt người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không tiền mặt, định danh điện tử, ứng dụng QUANGTRI-S; hỗ trợ kích hoạt 4.648 tài khoản định danh điện tử, nâng tỷ lệ tài khoản mức 2 từ 66% lên 68,1%, và hỗ trợ 6.986 lượt người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến. Các lớp học giúp người dân thực hành kỹ năng số cơ bản, như sử dụng điện thoại thông minh, Internet, dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán không tiền mặt, qua đó từng bước hình thành thói quen sử dụng dịch vụ số trong đời sống hằng ngày. Các hoạt động hưởng ứng Ngày hội toàn dân học tập số 10/10 được tổ chức gắn với các hội thảo, tọa đàm, trải nghiệm nền tảng số, tạo môi trường học tập số liên tục trong cộng đồng. Công an tỉnh tổ chức chiến dịch truyền thông “Không một mình – Cùng nhau an toàn trực tuyến” cho hơn 1.500 học sinh Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp; đồng thời phát động phong trào “Tuần làm việc không văn bản giấy” trong toàn lực lượng.

b) Tồn tại, hạn chế:

Một bộ phận người dân vùng sâu, vùng xa, người cao tuổi, người yếu thế còn hạn chế kỹ năng số. Một số đơn vị cơ sở chưa duy trì thường xuyên chuyên mục tuyên truyền; hoạt động truyền thông còn dàn trải, chưa có chiều sâu. Kinh phí, phương tiện, công cụ hỗ trợ cho Tổ công nghệ số cộng đồng còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu triển khai đồng bộ.

10. Kinh phí thực hiện

Tổng hợp kinh phí thực hiện các dự án, hoạt động ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số, chuyển đổi số trọng tâm năm 2025: **Phụ lục II** kèm theo Kế hoạch này.

Phần II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2026

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

Quyết định số 411/QĐ-TTg, ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch hành động số 09-KH/TU ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên địa bàn Quảng Trị;

Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 10/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên cả 3 trụ cột là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số;

Kế hoạch số 635/KH-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh về Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 09-KH/TU ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên địa bàn Quảng Trị;

Kế hoạch số 682-KH/UBND ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Kế hoạch số 1125/KH-UBND ngày 25/9/2025 của UBND tỉnh triển khai

Thỏa thuận hợp tác về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2025-2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Trung ương, Chính phủ và chỉ đạo của Tỉnh ủy về chuyển đổi số; phát triển đồng bộ chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, trong đó dữ liệu là nền tảng, người dân là trung tâm, doanh nghiệp là động lực và công nghệ là phương tiện. Đến cuối năm 2026, Quảng Trị đạt mức tỉnh nhóm khá về chỉ số chuyển đổi số ($DTI \geq 0,65$), đảm bảo hạ tầng, dữ liệu và nguồn nhân lực phục vụ cho giai đoạn 2026 – 2030.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

Hệ thống các chỉ tiêu chuyển đổi số năm 2026 được quy định chi tiết và đồng bộ với định hướng đến năm 2030 tại **Phụ lục I** kèm theo Kế hoạch này. Trong đó, tập trung phần đầu đạt được các nhóm chỉ tiêu trọng tâm sau:

Về Hạ tầng số: Phủ sóng mạng 5G đạt tỷ lệ 80% dân số (ưu tiên khu vực trung tâm, khu công nghiệp); tỷ lệ người dùng có khả năng truy cập Internet băng rộng cố định tốc độ cao ($>1\text{Gb/s}$) đạt trên 80%. Duy trì, vận hành hiệu quả Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng (SOC).

Về Nhân lực số: Phần đầu 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh và 80% cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cơ bản và an toàn thông tin.

Về Chính quyền số: Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến 82%; Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa 96%.

Về Kinh tế số - Xã hội số: Tỷ trọng kinh tế số phần đầu đạt 12-15% GRDP; Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID) đạt trên 81%.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

Tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành toàn diện hoạt động chuyển đổi số, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, quyết liệt từ tỉnh đến cơ sở; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong chương trình công tác năm. Kiện toàn thành viên Ban chỉ đạo và Tổ công tác phát triển KHCN, ĐMST và CĐS, xác định rõ vai trò, trách nhiệm của từng thành viên; phân công nhiệm vụ cụ thể. Duy trì chế độ họp, giao ban Ban Chỉ đạo tỉnh định kỳ hàng quý để đánh giá tiến độ, tháo gỡ khó khăn, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

Triển khai thực hiện quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo xây dựng, ban hành và triển khai chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ chuyển đổi số. Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức. Thực

hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ, chuyên đề về kết quả chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương; báo cáo được tổng hợp, theo dõi và cập nhật trên nền tảng số để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, lớp tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng về chuyển đổi số cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý, CBCCV. Tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động số 09-KH/TU về chuyển đổi số. Tiếp tục triển khai hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”, đào tạo kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng và triển khai Đề án 06 trên nền tảng MOOCs của tỉnh.

Thực hiện nghiêm chế độ kiểm tra, giám sát việc triển khai các kế hoạch chuyển đổi số tại các sở, ngành, địa phương. Tổ chức các đoàn kiểm tra chuyên đề việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Kế hoạch hành động số 09-KH/TU và các kế hoạch của UBND tỉnh; bảo đảm công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện thống nhất, đồng bộ, hiệu quả.

Triển khai đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước sau khi Bộ Nội vụ ban hành Đề án. Các cơ quan, đơn vị, địa phương gắn công tác lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số với cải cách hành chính và đánh giá thi đua - khen thưởng, đưa kết quả triển khai chuyển đổi số vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị mình.

2. Thể chế, chính sách số

Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách là điều kiện tiên quyết để chuyển đổi số được triển khai hiệu quả, thống nhất, đồng bộ và bền vững. Trong năm 2026, tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI cấp tỉnh) và tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số của các sở, ban ngành cấp tỉnh và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Ban hành các Kế hoạch giai đoạn: Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch phát triển hạ tầng số giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến 2035.

- Xây dựng, công bố danh mục các dự án trọng điểm để thu hút nguồn lực đầu tư ứng dụng chuyển đổi số tại tỉnh. Xây dựng, triển khai các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Dữ liệu tại tỉnh. Rà soát, điều chỉnh các quy trình nội bộ để đáp ứng các quy định của Luật Dữ liệu.

- Triển khai Nghị quyết số 214/NQ-CP của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện và triển khai các nền tảng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính quyền địa phương 2 cấp và Hướng dẫn số 3640/BKHHCN-CĐSQG ngày 04/8/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc triển khai Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) bảo đảm kết nối liên thông, khai thác hiệu quả thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, phát

triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; rà soát, hoàn thiện quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo hướng khai thác, sử dụng dữ liệu số đã có; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; giảm yêu cầu cung cấp lại thông tin, giấy tờ của người dân, doanh nghiệp; bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu theo quy định.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ cán bộ làm công tác chuyển đổi số, khuyến khích người có chuyên môn CNTT, an toàn thông tin, dữ liệu số làm việc tại các cơ quan nhà nước; xem xét chế độ phụ cấp, ưu tiên trong tuyển dụng, thăng hạng, đánh giá thi đua.

- Tăng cường hướng dẫn, tập huấn cho đội ngũ làm công tác thể chế, chính sách, đảm bảo kịp thời nắm bắt các quy định mới của Chính phủ, Bộ KH&CN. Tổ chức tham vấn, lấy ý kiến chuyên gia, doanh nghiệp, tổ chức xã hội trong quá trình xây dựng các văn bản, chính sách về chuyển đổi số để đảm bảo tính thực tiễn, khả thi và đồng thuận cao.

3. Hạ tầng số

Tiếp tục tập trung phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, an toàn và bền vững, bảo đảm nền tảng kỹ thuật phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu, vận hành chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh trên toàn tỉnh.

Hoàn thiện hạ tầng viễn thông - internet trên phạm vi toàn tỉnh. Đến cuối năm 2026, phần đầu phủ sóng 5G đạt tối thiểu 80% dân cư, tập trung tại trung tâm các xã, phường, đặc khu, khu công nghiệp, khu kinh tế và các vùng phát triển du lịch - dịch vụ. Tập trung xóa trắng sóng băng rộng di động tại 09 bản bản đặc biệt khó khăn chưa có điện lưới quốc gia; xây dựng, lắp đặt mới tối thiểu 90 trạm phát sóng di động BTS, ưu tiên tại các khu vực lùm sóng hoặc chất lượng mạng yếu. Tiếp tục mở rộng kết nối Internet cáp quang băng thông rộng tốc độ cao đến các thôn, bản khu vực vùng sâu, vùng xa, khu vực đặc biệt khó khăn.

Phát triển và hoàn thiện hạ tầng dữ liệu, trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây của tỉnh.

Xây dựng và triển khai Đề án Phát triển trung tâm giám sát, điều hành thông minh, trung tâm dữ liệu điện tử tỉnh quảng trị giai đoạn 2026 – 2030, định hướng đến năm 2035. Xây dựng, triển khai các nền tảng số cho hoạt động của Trung tâm IOC tỉnh. Xây dựng, triển khai Nền tảng quản lý thiết bị camera, IoT dùng chung của tỉnh có kết nối, chia sẻ dữ liệu với IOC. Tổ chức kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu từ camera và IoT các sở, ban, ngành, địa phương.

Duy trì, nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh; từng bước mở rộng hệ thống điện toán đám mây dùng chung, triển khai lưu trữ, xử lý dữ liệu và vận hành phần mềm quản lý hành chính trên môi trường cloud. Phát triển hệ thống truyền thanh thông minh tại 100% xã, phường, đặc khu, kết nối Internet phục vụ truyền truyền, cảnh báo thiên tai, an toàn thông tin, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự. Từng bước hình thành hạ tầng Internet vạn vật (IoT) trong các lĩnh vực nông nghiệp, giao thông, y tế, giáo dục, du lịch, gắn với mục tiêu phát triển đô thị thông minh, quản lý tài nguyên – môi trường, quan trắc khí tượng – thủy văn và cảnh báo thiên tai.

Nâng cao năng lực vận hành, giám sát và bảo trì hạ tầng số. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ phụ trách CNTT, vận hành hệ thống thông tin tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện kiểm tra, bảo trì, giám sát định kỳ các hệ thống hạ tầng để bảo đảm hoạt động ổn định, an toàn, liên tục.

Ưu tiên bố trí ngân sách cho các dự án trọng điểm, gồm: Kho dữ liệu dùng chung, nền tảng LGSP, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, mạng truyền số liệu chuyên dùng, Trung tâm IOC, Trung tâm SOC và hệ thống truyền thanh thông minh. Đồng thời, huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, tổ chức tài chính, chương trình hợp tác quốc tế để bổ sung đầu tư hạ tầng số của tỉnh.

4. Nhân lực số

Phát triển nhân lực số ở cấp tỉnh, sở, ngành. Tập trung nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách chuyên đổi số, công nghệ thông tin, dữ liệu và an toàn thông tin trong các cơ quan, đơn vị. Đào tạo kỹ năng số cho 100% cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC); trong đó tối thiểu 15% được đào tạo chuyên sâu về quản trị dữ liệu, an toàn thông tin, khai thác nền tảng số và hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Xây dựng mạng lưới giảng viên, chuyên gia nguồn cấp tỉnh đảm nhiệm việc hướng dẫn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ cấp xã, hình thành lực lượng nòng cốt trong các lĩnh vực dữ liệu, an toàn thông tin, thống kê, truyền thông số.

Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số tại cơ sở. Tiếp tục kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng tại 100% xã, phường, đặc khu, nhưng chuyển trọng tâm từ số lượng sang chất lượng hoạt động và kỹ năng thực hành. Tổ chức tối thiểu 10 khóa tập huấn và hội thảo chia sẻ kinh nghiệm trong năm 2026 cho cán bộ cơ sở, đoàn viên thanh niên, hội viên phụ nữ, nông dân – những lực lượng trực tiếp hỗ trợ người dân sử dụng nền tảng số. Dự kiến đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho khoảng 8.000 thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng, tập trung vào thao tác trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và hướng dẫn sử dụng các nền tảng số cơ bản.

Đẩy mạnh hợp tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực giữa “Nhà nước - Nhà

trường - Doanh nghiệp”. Cụ thể: tăng cường liên kết với các trường Đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các doanh nghiệp công nghệ trên địa bàn để đào tạo kỹ năng thực hành; tiếp tục triển khai hiệu quả chương trình phối hợp giữa UBND tỉnh với các Tập đoàn (VNPT, Viettel, FPT...) để tổ chức các khóa đào tạo trực tuyến mở (MOOCs), tập huấn kỹ năng số, an toàn thông tin cho cán bộ cơ sở và người dân.

Khuyến khích lực lượng trẻ và nhân lực tại chỗ tham gia chuyển đổi số. Huy động đoàn viên thanh niên, giáo viên tin học, cán bộ văn hóa – xã hội tham gia hướng dẫn, truyền thông và hỗ trợ người dân tại cơ sở. Gắn nội dung chuyển đổi số với hoạt động của các tổ chức chính trị – xã hội, xem đây là nhiệm vụ thường xuyên trong phong trào “Chuyển đổi số – nhanh hơn, hiệu quả hơn, gần dân hơn.”

Xây dựng cơ chế khuyến khích, đãi ngộ, khen thưởng. Đưa tiêu chí nhiệm vụ chuyển đổi số vào đánh giá thi đua cán bộ, công chức, viên chức. Nghiên cứu chính sách hỗ trợ, phụ cấp phù hợp, trang bị phương tiện cần thiết cho cán bộ chuyên trách chuyển đổi số và thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động hiệu quả.

5. Phát triển dữ liệu số

Ban hành Quy chế quản lý, khai thác, vận hành các nền tảng số, CSDL dùng chung của tỉnh; Kế hoạch triển khai chiến lược dữ liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2030. Triển khai hệ thống Bản đồ số kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị phục vụ cung cấp thông tin, số liệu trực quan.

Rà soát nâng cấp, hoàn thiện và vận hành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành như đất đai, y tế, giáo dục, nông nghiệp và môi trường... Ưu tiên tập trung xây dựng và số hóa các hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường như Hệ thống truy xuất nguồn gốc (QR Code) cho các sản phẩm nông sản, cây trồng, vật nuôi, thủy sản; Hệ thống giám sát, quản lý tàu cá và nghề cá, đảm bảo tuân thủ quy định chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU); Xây dựng cơ sở dữ liệu rừng và đất lâm nghiệp để phục vụ định giá rừng, phát triển tín chỉ carbon rừng. Xây dựng cơ sở dữ liệu về quan hệ đối ngoại; dữ liệu về các đối tác quốc tế, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các hiệp định, thỏa thuận quốc tế; dữ liệu kiều bào, đoàn ra, đoàn vào, lãnh sự, biên giới,... nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành và hỗ trợ xúc tiến đối ngoại, đầu tư.

Hoàn thiện, mở rộng Kho dữ liệu dùng chung tỉnh; tăng tỷ lệ dữ liệu chuyên ngành được kết nối, chia sẻ qua nền tảng LGSP đạt tối thiểu 60% so với tổng số hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các sở, ban, ngành, địa phương. Duy trì và nâng cấp hạ tầng lưu trữ, phân tích dữ liệu tại Trung tâm IOC tỉnh; kết nối LGSP tỉnh với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP), bảo

đảm kết nối hai chiều, an toàn, thông suốt thống nhất theo Khung kiến trúc Chính quyền số phiên bản 4.0.

Phát triển, chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu. Thực hiện chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu, danh mục dữ liệu dùng chung, đồng bộ giữa các sở, ngành, địa phương; bảo đảm nguyên tắc “dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống”. Tiếp tục triển khai các hoạt động làm sạch dữ liệu dân cư, đất đai, giáo dục, y tế, phục vụ tái sử dụng trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và hoạch định chính sách. Tổ chức cập nhật định kỳ dữ liệu địa lý, tài nguyên, quy hoạch, hạ tầng, dân cư và kinh tế.

Triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu chuyên ngành trong 63 cơ sở dữ liệu trọng điểm hoàn thành giai đoạn 2025 - 2027, bao gồm: Các lĩnh vực: hành chính, đất đai, tài chính, y tế, giáo dục, lao động - xã hội, nông nghiệp, môi trường, văn hóa, tôn giáo, công nghiệp - thương mại, an ninh - phòng cháy chữa cháy, quy hoạch, hạ tầng, dân cư, v.v. Tăng cường bảo đảm an toàn dữ liệu, thực hiện phân quyền truy cập, giám sát, sao lưu, phòng ngừa rò rỉ và tấn công mạng; gắn kết quản trị dữ liệu với an ninh mạng tỉnh.

6. An toàn thông tin mạng

Xây dựng, đưa vào vận hành Trung tâm an ninh mạng của tỉnh. Triển khai việc kiểm tra, dán tem an toàn thông tin các trang thiết bị, viễn thông, công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước trước khi đưa vào sử dụng.

Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch tổng thể đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh theo từng giai đoạn. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, bảo vệ bí mật Nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

Tổ chức diễn tập thực chiến, ứng cứu sự cố an toàn hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Rà soát, đôn đốc, hướng dẫn xây dựng Hồ sơ và triển khai phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ tại Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ cho 100% hệ thống thông tin quan trọng trên địa bàn tỉnh.

Triển khai mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị gắn với triển khai Quyết định số 1562/QĐ-TT ngày 18/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Ban hành và tổ chức triển khai Kế hoạch kiểm tra bảo vệ bí mật Nhà nước, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh. Trong đó bổ sung việc tổ chức đánh giá an toàn thông tin định kỳ đối với các CSDL quốc gia, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh.

7. Chính quyền số

Tiếp tục phát triển Chính quyền số đồng bộ, thống nhất và hiệu quả,

hướng tới chính quyền hai cấp hoạt động hoàn toàn trên môi trường điện tử, phục vụ người dân và doanh nghiệp nhanh hơn, minh bạch hơn. Các cơ quan, đơn vị khai thác triệt để hạ tầng, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; bảo đảm vận hành hiệu quả Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Cổng Dịch vụ công, Hệ thống Một cửa điện tử, Kho dữ liệu dùng chung, nền tảng LGSP, Trung tâm điều hành thông minh (IOC) và Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC); tuân thủ Khung kiến trúc số tỉnh Quảng Trị và Khung kiến trúc tổng thể Quốc gia số.

Xây dựng, triển khai kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số dựa trên dữ liệu. Đẩy mạnh tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh. Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và tái sử dụng dữ liệu đã số hóa.

Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, mở rộng dịch vụ toàn trình, phấn đấu tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt từ 75% trở lên, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt từ 93% trở lên. Các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính, tích hợp định danh điện tử (VNeID), thanh toán điện tử, nâng cao trải nghiệm người dân, doanh nghiệp. 100% cơ quan hành chính nhà nước sử dụng văn bản điện tử và chữ ký số chuyên dùng công vụ trong xử lý công việc.

Tiếp tục triển khai và mở rộng nền tảng ứng dụng Công dân số tỉnh Quảng Trị (QUANGTRI-S), tạo kênh tương tác giữa người dân, doanh nghiệp với chính quyền trên thiết bị di động thông minh, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng chính quyền số, phát triển xã hội số của tỉnh. Tập trung đẩy mạnh phân hệ Tiếp nhận, xử lý phản ánh hiện trường và Truyền thông cảnh báo; phối hợp Tập đoàn Viettel tổ chức nâng cấp, thuê dịch vụ vận hành ứng dụng, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với các ngành, lĩnh vực phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Đối với cấp xã, tập trung khai thác, sử dụng hiệu quả các hệ thống số của tỉnh như Hệ thống văn bản điện tử, Một cửa điện tử, Cổng Dịch vụ công, Hệ thống báo cáo điều hành, hội nghị trực tuyến, phần mềm phản ánh hiện trường, cơ sở dữ liệu dân cư và VNeID; hướng dẫn người dân nộp hồ sơ, thanh toán điện tử, tra cứu kết quả trực tuyến; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong chỉ đạo, điều hành, quản lý công việc. Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục phát huy vai trò hỗ trợ, tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các tiện ích số thiết yếu.

Phấn đấu đến cuối năm 2026, 100% cơ quan hành chính cấp tỉnh và cấp xã xử lý công việc trên môi trường điện tử; 100% cán bộ, công chức sử dụng

chữ ký số công vụ. Các hệ thống nền tảng số của tỉnh vận hành ổn định, an toàn, kết nối thông suốt, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

8. Kinh tế số và Xã hội số

Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi mô hình quản trị và kinh doanh sang môi trường số. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận quỹ khoa học – công nghệ, chương trình đổi mới sáng tạo, chính sách tín dụng ưu đãi. Phát triển nền tảng thương mại điện tử tỉnh, khuyến khích hộ sản xuất nông nghiệp, sản phẩm OCOP tham gia sàn Postmart, Voso. Hợp tác với VNPT, Viettel, FPT triển khai chương trình “Doanh nghiệp số địa phương”. Xây dựng, triển khai kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số.

Đẩy mạnh thanh toán điện tử trong lĩnh vực giáo dục, y tế, du lịch và dịch vụ công. Xây dựng mô hình “Chợ số”, “Thôn số”, “Doanh nghiệp số”, “HTX số”. Khuyến khích doanh nghiệp sử dụng nền tảng điện toán đám mây, chữ ký điện tử, hóa đơn điện tử. Phát triển các khu, cụm công nghiệp ứng dụng công nghệ 4.0, tự động hóa, truy xuất nguồn gốc điện tử.

Triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số. Triển khai chương trình, kế hoạch đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, du lịch,...

Triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” đến 100% thôn, bản, khu phố; phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân. Đưa kỹ năng số vào chương trình hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân. Phát triển nền tảng học tập số trực tuyến, mở lớp hướng dẫn kỹ năng số qua hình thức Moocs. Khuyến khích các trường học, trung tâm giáo dục, đoàn thể mở chuyên đề “Công dân số”, “Gia đình số”. Đẩy mạnh truyền thông CDS qua đài truyền thanh cơ sở, mạng xã hội, Zalo, Facebook.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, truyền thông, phổ biến kiến thức và kỹ năng số, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân về ý nghĩa, vai trò của chuyển đổi số. Tiếp tục triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia (10/10) và Ngày Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị theo Quyết định của UBND tỉnh; tổ chức các sự kiện, hội thảo, tọa đàm, triển lãm, diễn đàn, chuyên mục, bản tin chuyên đề nhằm lan tỏa tinh thần chuyển đổi số đến toàn xã hội.

Thực hiện hiệu quả các phong trào đã được phát động như “Bình dân học vụ số”, “Công dân số sáng tạo” và “Chuyển đổi số – nhanh hơn, hiệu quả hơn,

gần dân hơn”, gắn với việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử, định danh điện tử (VNeID). Phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng trong công tác tuyên truyền, hỗ trợ kỹ năng số, đặc biệt tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Các cơ quan báo chí, truyền thông trong tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử các sở, ngành, địa phương và mạng xã hội của UBND cấp xã tiếp tục duy trì chuyên mục, chuyên trang về chuyển đổi số, đăng tải tin, bài, video tuyên truyền về hoạt động, mô hình, điển hình tiên tiến, hiệu quả của chuyển đổi số trên địa bàn. Khuyến khích ứng dụng mạng xã hội, nền tảng số mới (Zalo, Facebook, YouTube, QUANGTRI-S) để truyền thông hai chiều giữa chính quyền và người dân. Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế tham gia chia sẻ về chuyển đổi số.

Phối hợp Tập đoàn Viettel, VNPT, FPT và các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ tổ chức các chiến dịch truyền thông, chương trình đào tạo kỹ năng số, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức và người dân. Tăng cường tuyên truyền về bảo đảm an toàn thông tin mạng, nâng cao ý thức bảo mật dữ liệu cá nhân, nhận diện rủi ro tấn công mạng, lừa đảo trực tuyến.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, xác định rõ người đứng đầu chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chuyển đổi số của đơn vị. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, xã, phường, đặc khu trong triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số; lồng ghép nội dung chuyển đổi số với cải cách hành chính, phát triển chính quyền số và xây dựng chính quyền phục vụ.

Ban hành các chương trình, kế hoạch hành động hàng năm của Ban Chỉ đạo, kèm cơ chế giám sát, đánh giá kết quả triển khai. Đưa kết quả thực hiện chuyển đổi số vào tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, đơn vị hàng năm. Tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ, sơ kết, tổng kết công tác chuyển đổi số, kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tốt.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp

Xây dựng các chương trình, chuyên mục truyền thông về chuyển đổi số trên Báo và phát thanh, truyền hình Quảng Trị, hệ thống truyền thanh cơ sở, Cổng thông tin điện tử tỉnh, mạng xã hội. Tổ chức Tuần lễ Chuyển đổi số Quảng Trị, các tọa đàm, diễn đàn, hội thi, cuộc thi sáng tạo về chuyển đổi số; phát động phong trào thi đua “Chuyển đổi số – nhanh hơn, hiệu quả hơn, gần dân hơn”.

Lồng ghép tuyên truyền chuyển đổi số vào các phong trào, hoạt động của đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng trong

hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công, định danh điện tử, thanh toán không tiền mặt. Tổ chức tập huấn kỹ năng số cơ bản và nâng cao cho cán bộ, công chức, viên chức; hướng dẫn thực hành cụ thể, tránh hình thức, đảm bảo người học áp dụng được trong công việc. Phối hợp các doanh nghiệp công nghệ (VNPT, Viettel, FPT) triển khai các khóa học trực tuyến, nội dung tuyên truyền, tài liệu hướng dẫn kỹ năng số cho người dân.

3. Phát triển và thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân lực có trình độ CNTT, an toàn thông tin, dữ liệu số làm việc tại các cơ quan nhà nước; ưu tiên bố trí cán bộ chuyên trách CNTT tại các xã, phường, đặc khu.

Tổ chức bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ, chú trọng kỹ năng thực hành, kỹ năng hỗ trợ người dân, kỹ năng vận hành hệ thống thông tin và đảm bảo an toàn mạng.

Có chính sách khuyến khích, khen thưởng, nâng ngạch, chuyển ngạch đối với cán bộ có sáng kiến, ứng dụng hiệu quả công nghệ số trong công việc. Hợp tác với các trường đại học, doanh nghiệp công nghệ, tổ chức chuyên môn để tổ chức các khóa học, hội thảo, thực hành kỹ năng chuyển đổi số. Khuyến khích thanh niên, sinh viên công nghệ, đội ngũ trẻ tham gia hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ và ứng dụng hiệu quả các công nghệ số

Chủ động nghiên cứu, lựa chọn và ứng dụng các công nghệ số có tính khả thi cao, chi phí hợp lý như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT) vào các hoạt động quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

Tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ mô hình, giải pháp công nghệ số với các địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước. Đưa các kết quả nghiên cứu, mô hình thí điểm vào ứng dụng thực tế, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Khuyến khích doanh nghiệp công nghệ số địa phương nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa các sản phẩm, dịch vụ số phục vụ chuyển đổi số của tỉnh. Thực hiện chuẩn hóa dữ liệu, hệ thống hạ tầng và nền tảng số để đảm bảo khả năng kết nối, chia sẻ, liên thông giữa các cơ quan, đơn vị.

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

Bố trí nguồn lực tài chính hợp lý từ ngân sách tỉnh, các nguồn vốn đầu tư công, chương trình mục tiêu, quỹ khoa học – công nghệ, quỹ chuyển đổi số và các nguồn vốn hợp pháp khác. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đảm bảo quản lý và sử dụng nguồn kinh phí hiệu quả, minh bạch, đúng mục đích.

Ưu tiên vốn cho các dự án, nhiệm vụ trọng điểm như: Kho dữ liệu dùng

chung, Công Dịch vụ công, LGSP, Trung tâm IOC, SOC, hệ thống truyền thanh thông minh, CSDL chuyên ngành. Huy động nguồn lực xã hội hóa, hợp tác công – tư (PPP) để đầu tư phát triển hạ tầng số, dữ liệu, nhân lực và an toàn thông tin.

6. Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

Duy trì, mở rộng hợp tác chiến lược với các tập đoàn công nghệ trong nước (Viettel, VNPT, FPT, CMC, MobiFone) về đào tạo nhân lực, phát triển hạ tầng, nền tảng, dữ liệu và an toàn thông tin. Tăng cường hợp tác nghiên cứu, học tập kinh nghiệm quốc tế, tham gia các chương trình, hội nghị, hội thảo, sáng kiến về chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin.

Tổ chức các đoàn công tác, tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm giữa tỉnh Quảng Trị và các địa phương điển hình về chuyển đổi số để học tập, nhân rộng mô hình phù hợp. Huy động chuyên gia, tổ chức quốc tế, viện nghiên cứu, trường đại học hỗ trợ tư vấn, đào tạo, nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ mới.

Quảng bá hình ảnh Chính quyền số Quảng Trị thân thiện, hiệu quả, minh bạch, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam hợp tác, đầu tư, phát triển dịch vụ số trên địa bàn tỉnh.

7. Triển khai mô hình hợp tác “3 Nhà” (Nhà nước – Nhà trường – Doanh nghiệp) trong chuyển đổi số

Thúc đẩy hợp tác giữa cơ quan nhà nước, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và doanh nghiệp công nghệ số trong nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm và ứng dụng các công nghệ, nền tảng số phục vụ chuyển đổi số và phát triển đô thị thông minh; hình thành các không gian thử nghiệm, ứng dụng (sandbox) để thử nghiệm các mô hình, giải pháp công nghệ số mới; ưu tiên nghiên cứu, thử nghiệm và ứng dụng các công nghệ số chiến lược như trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn; gắn kết đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực số với nghiên cứu, phát triển và ứng dụng thực tiễn tại địa phương.

8. Danh mục các nhiệm vụ, dự án, đề án trọng tâm về chuyển đổi số

Danh mục nhiệm vụ, đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số triển khai, thực hiện trong năm 2026: theo **Phụ lục III** kèm theo kế hoạch này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và phối hợp với các cấp, các ngành triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Phối hợp với Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các chương trình, dự án trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

2. Công an tỉnh

Phát huy vai trò cơ quan thường trực của Tổ công tác triển khai Đề án 06; cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 của tỉnh trong tham mưu UBND, Ban Chỉ đạo 57 tỉnh chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện các nội dung, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh bảo đảm hiệu quả, đúng tiến độ.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện giám sát, rà soát, phát hiện, hướng dẫn, xử lý kịp thời các điểm yếu, lỗ hổng bảo mật tại các hệ thống thông tin đồng thời tham mưu triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật Nhà nước trên môi trường số trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở nguồn vốn ngân sách tỉnh Quảng Trị năm 2026, cân đối, đề xuất bố trí đủ kinh phí để thực hiện Kế hoạch này, ưu tiên cho hạng mục phát triển hạ tầng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu số dùng chung của tỉnh và trên chuyên ngành, lĩnh vực quan trọng để bảo đảm phát triển đi trước, làm nền móng vững chắc thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện ở các cấp địa phương; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí cụ thể chi cho ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

4. Văn phòng UBND tỉnh

Tổ chức hướng dẫn các sở, ban, ngành, địa phương rà soát, đề xuất, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh phê duyệt danh mục, quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần triển khai trong năm 2026.

5. Sở Nội vụ

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách đối với đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT, an toàn thông tin mạng trong cơ quan nhà nước theo quy định, hướng dẫn của Trung ương, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của tỉnh; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các sở ngành, địa phương có liên quan đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính.

6. Các sở, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp xã

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND cấp xã căn cứ vào nội dung tại Kế hoạch này và yêu cầu, điều kiện thực tiễn để ban hành, triển khai Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 của cơ quan, đơn vị, địa phương; sắp xếp, bố trí hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí, hỗ trợ nguồn vốn, kinh phí để triển khai

thực hiện; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Chủ động nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính quyết liệt của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số để xây dựng thành công “cơ quan số”, “ngành số”, “địa phương số” tại cấp mình; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Tổ chức tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của cơ quan, ngành, địa phương trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử thành phần của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng quy định.

Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

7. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông

Bưu điện tỉnh, Bưu chính Viettel nghiên cứu, thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến của DVCTT và đề xuất triển khai cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc phù hợp trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC theo Đề án 468 của Chính phủ.

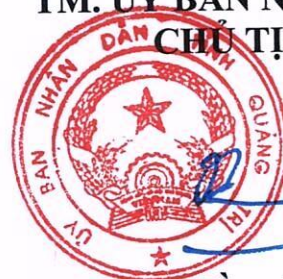
Các doanh nghiệp viễn thông, internet trên địa bàn tiếp tục phát triển, bảo đảm hạ tầng kết nối internet băng rộng, mạng truyền số liệu chuyên dùng đáp ứng nhu cầu của tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong ứng dụng công nghệ số, sử dụng DVCTT, dịch vụ đô thị thông minh; tích cực tham gia các hoạt động phối hợp ứng cứu, khắc phục hậu quả sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương nghiêm túc triển khai, thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, điều chỉnh phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó CT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và phát thanh, truyền hình Quảng Trị;
- Các doanh nghiệp BC, VT trên địa bàn tỉnh;
- Chánh VP, Phó CVP Lê Hữu Phước;
- Lưu: VT, KGVX_L.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Vinh

Phụ lục I

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025 VÀ CÁC CHỈ TIÊU, MỤC TIÊU CHUYÊN ĐỀ SỐ

GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

(Kèm theo Kế hoạch số **429**/KH-UBND ngày **30** / **01** /2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

(Tổng hợp các chỉ tiêu thực hiện tại Phụ lục II của Kế hoạch số 635/KH-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Kế hoạch 2025	Kết quả Năm 2025	Mục tiêu Kế hoạch 2026	Định hướng đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá
1	Phát triển hạ tầng						
1.1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn	%	≥ 50	74,2%	80	≥ 95	Sở Khoa học và Công nghệ
1.2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s	%	≥ 60	68,23	80	≥ 97	Sở Khoa học và Công nghệ
1.3	Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh (hoặc thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin), giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống	Có/Không	Có	Có	Có	Có	Công an tỉnh
2	Phát triển nguồn lực						
2.1	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	%	≥ 80	70,5	80	100	Sở Nội vụ
2.2	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	100	96,5	100	100	Sở Nội vụ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Kế hoạch 2025	Kết quả Năm 2025	Mục tiêu Kế hoạch 2026	Định hướng đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá
2.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	80	71,5	80	100	Sở Khoa học và Công nghệ
2.4	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	80	70	80	90	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Xây dựng
3	Phát triển chuyển đổi số						
3.1	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (Năm 2024)	Điểm (khung 1,0)	≥0,6	0,5858	0,65	≥ 0,75	Sở Khoa học và Công nghệ
3.2	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết khi địa giới hành chính giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	%	≥70	52,9	70	100	Văn phòng UBND tỉnh
3.3	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực	%	100	85	100	100	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Kế hoạch 2025	Kết quả Năm 2025	Mục tiêu Kế hoạch 2026	Định hướng đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá
	tuyển						
3.4	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện "phi tiếp xúc"	%	≥70	60	70	100	Văn phòng UBND tỉnh
3.5	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	≥70	94,95	96	100	Văn phòng UBND tỉnh
3.6	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	≥80	96,99	98	100	Văn phòng UBND tỉnh
3.7	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	%	≥70	79,2	82	≥85	Văn phòng UBND tỉnh
3.8	Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	%	≥40	96	98	≥70	Sở Khoa học và Công nghệ
3.9	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương	%	≥50	15	50	≥80	Sở Khoa học và Công nghệ
3.10	Tỷ lệ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với trục liên thông dữ liệu cấp	%	≥60	26,8	60	≥85	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Kế hoạch 2025	Kết quả Năm 2025	Mục tiêu Kế hoạch 2026	Định hướng đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá
	tỉnh						
3.11	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	%	≥30	22	30	≥60	Sở Khoa học và Công nghệ
3.12	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	%	≥80	80,6	81	≥85	Công an tỉnh
3.13	Tỷ lệ chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	%	≥60	60	70	≥90	Sở Khoa học và Công nghệ

Phụ lục II

**TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN MỘT SỐ DỰ ÁN, HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025**

(Kèm theo Kế hoạch số **429** /KH-UBND ngày **30** / **01** /2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Tiến độ	Kinh phí đã thực hiện năm 2025			Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
	Kinh phí đầu tư công				113.872	100.086	13.786	
	Dự án thành phần 1: Chuyển đổi số, chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 – 2025 do Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện.	Sở KH&CN	2022 - 2025	Hoàn thành 2025	46.070	46.070		
2	Dự án thành phần 2: Đầu tư máy móc, thiết bị Công nghệ thông tin phục vụ triển khai Đề án 06/ Đề án 468 và triển khai số hóa hồ sơ, tài liệu trong lực lượng Công an nhân dân phục vụ chuyển đổi số.	Công an tỉnh	2024 - 2025	Hoàn thành 2025	9.400	9.400		
3	Dự án thành phần 3: Đầu tư xây dựng, phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc lĩnh vực Tư pháp.	Sở Tư pháp	2024 - 2025	Hoàn thành 2025	7.050	7.050		
4	Dự án thành phần 4: Đầu tư nâng cấp công nghệ thông tin du lịch tích hợp phân hệ quản lý nhà nước và số hoá điểm đến du lịch tỉnh.	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	2024 - 2025	Hoàn thành 2025	7.520	7.520		

STT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Tiến độ	Kinh phí đã thực hiện năm 2025			Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
5	Dự án thành phần 5: Đầu tư biên tập bản đồ nền dùng chung từ dữ liệu hiện trạng sử dụng đất cấp xã và xây dựng nền tảng chia sẻ dịch vụ bản đồ số và dữ liệu không gian tích hợp với Hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung trên nền thông tin địa lý - GIS của tỉnh Quảng Bình.	Trung tâm CNTT-TT NN&MT(Sở Nông nghiệp và Môi trường)	2024 - 2025	Hoàn thành 2025	4.000	4.000		
6	Dự án thành phần 6: Đầu tư hồ sơ sức khỏe điện tử và hệ thống điều hành y tế thông minh tỉnh Quảng Bình (thuộc dự án Chuyển đổi số, chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025)	Sở Y tế	2024-2025	Hoàn thành 2025	5.400	5.400		
7	Dự án thành phần 7: Đầu tư nâng cấp hạ tầng phục vụ chuyển đổi số Bệnh viện Đa khoa thành phố Đồng Hới (thuộc dự án Chuyển đổi số, chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025)	Bệnh viện Đa khoa thành phố Đồng Hới	2024-2025	Hoàn thành 2025	6.000	6.000		
8	Dự án thành phần 8: Đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu và thiết bị phục vụ chuyển đổi số	Sở Tài chính	2024-2025	Hoàn thành	1.990	1.990		

STT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Tiến độ	Kinh phí đã thực hiện năm 2025			Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
	ngành Kế hoạch và Đầu tư (thuộc dự án Chuyển đổi số, chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 – 2025)			2025				
9	Thực hiện chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Sở KH&CN	2024-2025	Hoàn thành 2025	1.093	1.093		
10	Ứng dụng khoa học công nghệ trong đầu tư hệ thống dây chuyền chiết xuất, đóng chai nước mām và bảo quản, chế biến thủy sản phục vụ xây dựng nông thôn mới	Sở KH&CN	2024 - 2025	Hoàn thành 2025	3.813	3.813		
11	Trung tâm giám sát Điều hành thông minh tỉnh Quảng Trị	Sở KH&CN	2024 - 2025	Hoàn thành 2025	7.750	7.750		
12	Dự án đầu tư hệ thống Trung tâm chuẩn, thiết bị đo lường thử nghiệm	Sở KH&CN (Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng)	2025	2025	2.786		2.786	
13	Đầu tư thiết bị đo lường thử nghiệm và	Sở KH&CN	2025	2025	11.000		11.000	

STT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Tiến độ	Kinh phí đã thực hiện năm 2025			Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
	thiết bị công nghệ sinh học (giai đoạn 2)							
1	Kinh phí chi thường xuyên				44.605	0	44.605	
	Hoàn thiện CSDL về lữ lịch sử năm 2020	Sở NN&MT (Chi cục Thủy lợi và PCTT)	2025	Đã hoàn thành	310		310	
2	Xây dựng ứng dụng trực tuyến PCTT	Sở NN&MT (Chi cục Thủy lợi và PCTT)	2025	Đã hoàn thành, vận hành thử	644		644	
3	Xây dựng bộ công cụ khai thác dữ liệu HTTV	Sở NN&MT (Chi cục Thủy lợi và PCTT)	2025	Đã hoàn thành	50		50	
4	Số hóa dữ liệu công trình thủy lợi, đề điều...	Sở NN&MT (Chi cục Thủy lợi và PCTT)	2025	Đã hoàn thành	200		200	
5	Tổ chức tập huấn ứng dụng CNS và AI	Sở NN&MT (Trung tâm Khuyến nông)	2025	Đã hoàn thành	141		141	

STT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Tiến độ	Kinh phí đã thực hiện năm 2025			Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
6	Tuyên truyền trên Đài PT-TH	Sở NN&MT(Trung tâm Khuyến nông)	2025	Đã hoàn thành	42		42	
7	Hào tạo nâng cao năng lực cho tổ KN cộng đồng	Sở NN&MT(Trung tâm Khuyến nông)	2025	Đã hoàn thành	200		200	
8	Tập huấn về nông nghiệp công nghệ cao	Sở NN&MT(Trung tâm Khuyến nông)	2025	Đã hoàn thành	250		250	
9	Hỗ trợ ứng dụng Drone	Sở NN&MT(BQL Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong)	2025	Đã hoàn thành	200		200	
10	Tập huấn cấp mã số vùng trồng	Sở NN&MT(Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)	2025	Đã hoàn thành	100		100	
11	Nâng cấp hạ tầng mạng, thiết bị	Sở NN&MT(Ban	2025	Đã	426		426	

STT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Tiến độ	Kinh phí đã thực hiện năm 2025			Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
		Quản lý Rừng đặc dụng Nam Quảng Trị)		hoàn thành				
2	Thuê đơn vị tư vấn triển khai xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị, phiên bản 3.0	Sở KH&CN	2025		412		412	
3	Duy trì sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng các cấp hành chính trên địa bàn tỉnh	Sở KH&CN	2025		1.676		1.676	
4	Duy trì, vận hành hoạt động của Trung tâm dữ liệu điện tử	Sở KH&CN	2025		1.800		1.800	
5	Duy trì, thuê dịch vụ hạ tầng cài đặt và vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	Sở KH&CN	2025		2.500		2.500	
6	Duy trì hoạt động hệ thống Hội nghị Phòng họp trực tuyến	Sở KH&CN	2025		3.000		3.000	
7	Triển khai hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin	Sở KH&CN	2025		3.437		3.437	
8	Duy trì bản quyền và hỗ trợ kỹ thuật cho hệ thống giám sát an toàn thông tin và phòng chống mã độc tập trung	Công an tỉnh	2025		600		600	

STT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Tiến độ	Kinh phí đã thực hiện năm 2025			Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
19	Duy trì hoạt động Quản lý, vận hành Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC)	Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông	2025		1.241		1.241	
20	Hoàn thiện hạ tầng và xây dựng, chia sẻ cơ sở dữ liệu của ngành Nông nghiệp	Sở NN&MT	2025		2.563		2.563	
21	Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch: Xây dựng công du lịch thông minh; số hóa sản phẩm du lịch bằng công nghệ thực tế ảo; số hóa và xây dựng tổng thể cơ sở dữ liệu về du lịch	Sở Văn hóa thể thao và du lịch	2024 - 2025		1.816		1.816	Tổng kinh phí: 4.807,803 đã thanh toán năm 2024: 2.992,083
	Thuê hạ tầng và các dịch vụ khác thực hiện Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch	Sở Văn hóa thể thao và du lịch	2025 - 2026		578		578	Tổng kinh phí: 698,1
22	Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin Xây dựng phần mềm quản lý công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Thanh tra tỉnh	2025		2.925		2.925	
23	Mạng cấp hệ thống hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến và xây dựng mới phân hệ khảo sát	Sở Giáo dục và Đào tạo	2025		466		466	

STT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Tiến độ	Kinh phí đã thực hiện năm 2025			Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
	Thực tuyến							
24	Thuê dịch vụ hạ tầng CNTT duy trì hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Quảng Trị	Văn phòng UBND tỉnh	2025		467		467	
25	Xử lý, chuyển đổi, tích hợp dữ liệu cho các cơ quan, đơn vị sử dụng phần mềm CSDL xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh thực hiện sắp xếp cơ quan hành chính 02 cấp	Sở Tư pháp	2025		400		400	
26	Chuyển dữ liệu, cài đặt, cấu hình hệ thống Công thông tin điện tử tỉnh và 37 trang thông tin điện tử cấp xã thuộc địa bàn tỉnh Quảng Trị (cũ)	Trung tâm điều hành thông tin tỉnh	2025		450		450	
27	Diễn đàn Nông dân	Hội Nông dân	2025		187		187	
28	Giải pháp hệ thống Kiosk tại Trung tâm Học vụ Hành chính công các xã, phường, đặc khu của tỉnh Quảng Trị	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	2025		7.432		7.432	
29	Kinh phí cho các cơ quan, đơn vị triển khai Cao điểm 20 ngày đêm số hóa dữ liệu hộ tịch	Sở Tư Pháp, Báo Đài PTTH, Sở KH&CN	2025		213		213	
30	Thuê dịch vụ đường truyền internet trực tiếp leasedline, internet trực tiếp leasedline	Sở KH&CN			691		691	

STT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Tiến độ	Kinh phí đã thực hiện năm 2025			Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
31	dự phòng phục vụ hoạt động của Trung tâm dữ liệu điện tử Thuê dịch vụ đường truyền mạng truyền số liệu chuyên dùng và nhân công trực vận hành hệ thống Hội nghị trực tuyến (điểm cầu đăng ủy)	Sở KH&CN	2025		730		730	
32	Thuê dịch vụ nền tảng MOOCS, xây dựng và thuê học liệu	Sở KH&CN	2025		600		600	
33	Quản trị, vận hành các HTTT, CSDL dùng chung của tỉnh	Sở KH&CN			450		450	
34	Mua sắm trang thiết bị lắp đặt trạm quan trắc ngập lụt tại các khu vực trũng thấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, tích hợp theo dõi cảnh báo tại Trung tâm Giám sát điều hành thông minh tỉnh Quảng Trị	Sở KH&CN	2025		1.484		1.484	
35	Thuê Đường truyền duy trì hoạt động các hệ thống tại Trung tâm IOC thành phố Đông Hới (cũ), thị xã Ba Đồn (cũ) và tỉnh Quảng Trị (cũ)	Sở KH&CN			100		100	
36	Lì chuyên IOC Đông Hà	Sở KH&CN			800		800	
37	Kinh phí thực hiện Tư vấn Cập nhật Kiến	Sở KH&CN			297		297	

STT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Tiến độ	Kinh phí đã thực hiện năm 2025			Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
	trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh, phiên bản 4.0 tỉnh Quảng Trị (mới)							
38	Kinh phí Thực hiện Thuê dịch vụ nền tảng công dân số tỉnh Quảng Trị (mới)	Sở KH&CN			3.140		3.140	
39	Tập huấn cập nhật học liệu trên Nền tảng đào tạo trực tuyến	Sở KH&CN			290		290	
40	Truyền thông các nhiệm vụ về Chuyên đổi số	Sở KH&CN			312		312	
41	Thuê dịch vụ nâng cấp hạ tầng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Trị	Sở KH&CN			301		301	
42	Dịch vụ chuyên đổi kết quả giải quyết TTHC đã được số hóa trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Quảng Trị (cũ) sang Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Quảng Trị (mới)"	Sở KH&CN			342		342	
43	Phi địa giới hành chính Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Trị	Sở KH&CN			51		51	
44	Thuê dịch vụ các nhiệm vụ về CNTT khác	Sở KH&CN			200		200	

STT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Tiến độ	Kinh phí đã thực hiện năm 2025			Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
45	Nâng cấp Website của BQL Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng	BQL VQG Phong Nha - Kẻ Bàng	2025		93		93	
	Tổng cộng				158.477	100.086	58.391	

Phụ lục III

DANH MỤC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYÊN ĐỀ SỐ TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN TRONG NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Nội dung nhiệm vụ / đề án/ dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
1.	Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, địa phương	Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030	Quý I, năm 2026
2.	Tham mưu triển khai ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến 2035	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, địa phương	Kế hoạch phát triển hạ tầng số giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến 2035	Quý I, năm 2026
3.	Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai chương trình hành động số 06-Ctr/TU ngày 10/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên cả 3 trụ cột là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, địa phương	Kế hoạch triển khai chương trình hành động số 06-Ctr/TU ngày 10/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên cả 3 trụ cột là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số	Quý I, năm 2026
4.	Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi Ipv6 tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, địa phương	Kế hoạch thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi Ipv6 tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030	Quý II, năm 2026

STT	Nội dung nhiệm vụ / đề án/ dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	theo Quyết định số 3369/QĐ-BKH&CN ngày 27/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.		phương		
5.	Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác các nền tảng số, CSDL dùng chung của tỉnh. Trong đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm của chủ quản dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu.	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác các nền tảng số, CSDL dùng chung của tỉnh	Quý II, năm 2026
6.	Ban hành, cập nhật Danh mục dữ liệu dùng chung, Danh mục dữ liệu mở và Từ điển dữ liệu theo định hướng của Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia.	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quyết định ban hành Danh mục dữ liệu dùng chung, Danh mục dữ liệu mở và Từ điển dữ liệu dùng chung của tỉnh	Quý IV, năm 2026
7.	Kà soát, cấu trúc lại các thủ tục hành chính chuyên từ thủ công trên giấy sang môi trường điện tử phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp: Tổ chức rà soát toàn bộ TTHC hiện hành, loại bỏ thủ tục không còn phù hợp, ban hành danh mục thống nhất toàn tỉnh, bảo đảm phục vụ theo nguyên tắc phi địa giới. Nâng cấp hạ tầng số phục vụ việc giải quyết TTHC tại Trung tâm phục vụ hành chính tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công)	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quyết định công bố danh mục TTHC được chuẩn hóa, thống nhất; Quyết định phê duyệt nâng cấp hạ tầng số tại TTPVHCC tỉnh	31/12/2026 Quý 2/2026
8.	Tổ chức các lớp đào tạo, hướng dẫn kỹ năng số cho cán bộ, công chức: Tổ chức	Sở KH&CN	Các sở, ban,	Kế hoạch và Báo cáo kết quả tổ chức các lớp đào tạo, chương	Trước 31/12/2026 và

STT	Nội dung nhiệm vụ / đề án/ dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
9.	<p>các khoá đào tạo, tập huấn về kỹ năng số, kỹ năng vận hành hệ thống mới cho cán bộ, công chức, viên chức.</p> <p>Tổ chức các lớp đào tạo, hướng dẫn kỹ năng số cho người dân: Tổ chức chương trình nâng cao kỹ năng số cho người dân hoặc các chương trình hỗ trợ người dân thực hiện số hóa và nộp hồ sơ; triển khai các hoạt động truyền thông chủ động và minh bạch; truyền tải lợi ích của việc thực hiện DVCTT và tăng tương tác 2 chiều giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước. Ưu tiên nhóm yếu thế như người già, người dân vùng sâu vùng xa; huy động sự tham gia của Tổ công nghệ số cộng đồng trong việc hỗ trợ người dân nộp hồ sơ trực tuyến.</p>	UBND cấp xã	Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Sở KH&CN, Sở GD&ĐT	<p>trình hỗ trợ (số lượng, nội dung).</p> <p>Kế hoạch và Báo cáo kết quả tổ chức các lớp đào tạo, chương trình hỗ trợ (số lượng, nội dung).</p>	<p>đuy trì thường xuyên</p> <p>Trước 31/12/2026 và duy trì thường xuyên</p>
10.	<p>Tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn CĐS theo yêu cầu Trung ương: Cử cán bộ tham dự các lớp nâng cao nhận thức, kỹ năng chuyển đổi số.</p>	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Nội vụ, Sở KH&CN	<p>Danh sách cán bộ được cử đi đào tạo; Báo cáo tiếp thu, triển khai sau đào tạo.</p>	Theo kế hoạch của Trung ương
11.	<p>Xây dựng Phần mềm thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và nâng cấp Trang Thông tin điện tử Phó biến giáo dục pháp luật Quảng Trị</p>	Sở Tư pháp		<p>Xây dựng mới Phần mềm thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và nâng cấp Trang Thông tin điện</p>	31/12/2026

STT	Nội dung nhiệm vụ / đề án/ dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
12.	Tham mưu UBND tỉnh xây dựng và triển khai các nhiệm vụ của Đề án Phát triển trung tâm giám sát, điều hành thông minh, trung tâm dữ liệu điện tử tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2035	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, địa phương	từ Phở biến giáo dục pháp luật Quảng Trị Đề án được ban hành và xây dựng Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ của Đề án được ban hành	Năm 2026
13.	Dự án Khoa học Công nghệ, chuyên đề số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt chủ trương/danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ và chuyên đề số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; các nhiệm vụ được tổ chức triển khai theo quy định hiện hành.	Năm 2026 (Khởi động)
14.	Dự án nâng cấp hạ tầng Trung tâm dữ liệu điện tử và giám sát, điều hành thông minh tỉnh Quảng Trị	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt và tổ chức triển khai Dự án nâng cấp hạ tầng Trung tâm dữ liệu điện tử và giám sát, điều hành thông minh tỉnh Quảng Trị theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Năm 2026 (Khởi động)
15.	Đầu tư, nâng cấp hạ tầng an toàn thông tin để triển khai bệnh án điện tử tại các cơ sở	Sở Y tế	Công an tỉnh	1. Hệ thống hạ tầng an toàn thông tin đạt chuẩn cấp độ theo	31/12/2026

STT	Nội dung nhiệm vụ / đề án/ dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh			<p>Nghị định 85/2016/NĐ-CP cho toàn bộ các cơ sở khám chữa bệnh (bao gồm tường lửa, IDS/IPS, hệ thống giám sát, phân quyền truy cập...).</p> <p>2. Nâng cấp đồng bộ hạ tầng mạng LAN/WAN, bảo đảm tốc độ, ổn định và đáp ứng yêu cầu kết nối bệnh án điện tử, chữ ký số, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống giám định BHYT và các hệ thống quốc gia.</p> <p>3. Máy chủ, thiết bị lưu trữ và hệ thống sao lưu – phục hồi dữ liệu đạt tiêu chuẩn an toàn, hỗ trợ vận hành liên tục (24/7) cho bệnh án điện tử và các hệ thống HIS/LIS/RIS-PACS.</p> <p>4. Triển khai giải pháp mã hóa dữ liệu trên đường truyền và tại nơi lưu trữ, đảm bảo an toàn thông tin đối với toàn bộ dữ liệu bệnh án điện tử.</p> <p>5. Hệ thống quản lý định danh và phân quyền truy cập (IAM) cho cán bộ y tế, bảo đảm kiểm</p>	

STT	Nội dung nhiệm vụ / đề án/ dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
				<p>soát truy cập theo vai trò, giám sát nhật ký truy cập.</p> <p>6. Hệ thống giám sát an toàn thông tin tập trung: cảnh báo sớm, phát hiện tấn công, quản lý sự cố ATTT trong toàn ngành Y tế.</p> <p>7. Bộ quy trình, quy chế vận hành an toàn thông tin phục vụ triển khai bệnh án điện tử tại các cơ sở y tế.</p> <p>8. Đào tạo, tập huấn ATTT cho cán bộ CNTT và cán bộ y tế trực tiếp sử dụng bệnh án điện tử.</p>	
16.	Xây dựng kho dữ liệu y tế của tỉnh và hệ thống điều phối thông tin y tế	Sở Y tế	Sở KH&CN	<p>1. Kho dữ liệu y tế cấp tỉnh được xây dựng hoàn chỉnh, tích hợp tối thiểu 20 tập dữ liệu chuyên ngành</p> <p>2. Hệ thống điều phối thông tin y tế (Health Data Coordination Center – HDCC) vận hành tập trung, có dashboard trực quan phục vụ lãnh đạo ra quyết định.</p> <p>3. Nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở khám chữa bệnh và trực liên thông của tỉnh,</p>	31/12/2026

STT	Nội dung nhiệm vụ / đề án/ dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
17.	Hạ tầng CSDL chuyên ngành kết nối chia sẻ lên IOC tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN, các đơn vị, trường học	<p>bảo đảm tối thiểu 85% dữ liệu y tế được tích hợp theo quy định.</p> <p>4. Bộ công cụ chuẩn hóa dữ liệu, quy chế quản lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu y tế toàn ngành.</p> <p>5. Hệ thống bảo mật đạt chuẩn cấp độ theo Nghị định 85/2016/NĐ-CP, đảm bảo an toàn truy cập, giám sát và cảnh báo rủi ro.</p> <p>6. Báo cáo phân tích dữ liệu, dự báo y tế phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn</p>	Tháng 3/2026
18.	Xây dựng phòng học thông minh; năm học 2025 - 2026: Xây dựng mỗi cấp học có ít nhất 01 trường học có 01 phòng học thông minh; Từ giai đoạn 2026 - 2030: Xây dựng được 01 phòng, xã có 01 phòng học thông minh; năm 2030, phấn đấu toàn tỉnh có ít nhất 01 trường học/cấp học đạt tiêu chuẩn trường học thông minh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN, các đơn vị, trường học	Phòng học thông minh	Trước tháng 9/2026

STT	Nội dung nhiệm vụ / đề án/ dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
19.	Câu truyền hình cứng các điểm trường - Hệ thống thiết bị cứng câu truyền hình tại 100% trường trên nền tảng phần mềm trực tuyến LMS.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN, các đơn vị, trường học	Câu trình trực tuyến các trường học trên địa bàn Tỉnh	Trước 15/12/2026
20.	Nền tảng CSDL chuyên ngành - Bồi dưỡng thường xuyên - Cung cấp đầy đủ tài khoản trên Hệ thống LMS cho cán bộ quản lý, giáo viên tập huấn nghiệp vụ hằng năm theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN, các đơn vị, trường học	Bộ sưu tập giáo viên GDPT hằng năm	Hằng năm
21.	Nền tảng CSDL chuyên ngành - Hệ sinh thái app ngành Giáo dục - Hệ sinh thái tích hợp giữa công nghệ, nội dung học tập và chính sách quản lý. Các phần mềm hiện tại còn rời rạc, thiếu kết nối, dẫn đến khó khăn trong vận hành tổng thể. Xây dựng nền tảng xác thực danh tính giáo viên, học sinh; hỗ trợ đăng nhập hệ thống bằng VNeID (SSO); tích hợp học, thi, quản lý thi, điểm, thời khóa biểu, văn bằng, thư viện số, kết nối phụ huynh - học sinh - nhà trường.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN, các đơn vị, trường học	App tương tác ngành giáo dục và phụ huynh học sinh	Trước 30/10/2026
22.	Nền tảng CSDL chuyên ngành - Phần mềm quản trị trường học phục vụ triển khai Học bạ số - Quản lý kết quả học tập,	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN, các đơn vị,	Học bạ số	Quý 1/2026

STT	Nội dung nhiệm vụ / đề án/ dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	rèn luyện của học sinh; xuất dữ liệu theo chuẩn quy định của Bộ GDĐT để cập nhật vào CSDL ngành phục vụ Học bạ số.		trường học		
23.	Nền tảng CSDL chuyên ngành - Số hóa văn bằng chứng chỉ - Thực hiện số hóa tài liệu, tài nguyên học tập và quản lý văn bản điều hành, giúp nâng cao hiệu quả quản lý, chỉ đạo từ cấp Sở đến các cơ sở giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN, các đơn vị, trường học	Số hóa tài liệu	Quý 2/2026
24.	Nền tảng CSDL chuyên ngành - Hồ sơ điện tử toàn tỉnh - Theo Nghị quyết 57-NQ/TW về chuyển đổi số trong giáo dục; phần mềm giúp quản lý kế hoạch, văn bản, giáo án, hồ sơ, kết quả học tập, rèn luyện của học sinh; xuất dữ liệu theo chuẩn Bộ GDĐT để cập nhật vào CSDL ngành phục vụ số hóa toàn bộ hồ sơ nhà trường.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN, các đơn vị, trường học	Hồ sơ điện tử trường học	Trước 15/06/2026
25.	Nền tảng CSDL chuyên ngành - Tuyển sinh đầu cấp - Triển khai theo NQ57 cho 4 cấp học: Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN, các đơn vị, trường học	Tuyển sinh đầu cấp	Tháng 5/2026
26.	Nền tảng CSDL chuyên ngành - Mua sắm máy vi tính - Trang bị máy vi tính cho các cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu dạy học môn Tin học (mức độ 2) theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN, các đơn vị, trường học	Thiết bị hạn tặng và máy tính	Tháng 5/2026

STT	Nội dung nhiệm vụ / đề án/ dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
27.	Đề án chuyên đổi số toàn diện và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác quản lý đối ngoại địa phương (Hệ thống Quản lý Đoàn ra - Đoàn vào & Lễ tân điện tử); CSDL đổi ngoại tỉnh & Kho CSDL dùng chung; Cổng Thông tin Đối ngoại số thông minh đa ngôn ngữ...)	Sở Ngoại vụ		Xây dựng Cơ sở dữ liệu dùng chung về đối ngoại, tích hợp liên thông. Ứng dụng AI trong công tác nghiệp vụ	Năm 2026
28.	Bảo tàng số giai đoạn 02	Sở VH TT & DL		Giai đoạn 2 của dự án dự kiến tiếp tục số hóa 3D một số hiện vật tiêu biểu đang được trưng bày tại Bảo tàng; xây dựng phần mềm quản lý hiện vật chuyên biệt nhằm hiện đại hóa công tác lưu trữ, kiểm kê, tra cứu và bảo tồn dữ liệu hiện vật một cách khoa học	Năm 2026 - 2027
29.	Nâng cấp hệ thống quản lý thư viện tỉnh	Sở VH TT & DL		<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai nâng cấp phần mềm, tích hợp các tích năng nâng cao, AI. - Nâng cấp năng lực đáp ứng của hệ thống, đảm bảo đáp ứng nghiệp vụ với quy mô mới. 	Năm 2026 - 2030

STT	Nội dung nhiệm vụ / đề án/ dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
				<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp phân hệ web, portal - Nâng cấp phân hệ app - Số hóa các đầu sách, tài liệu chưa được số hóa. - Triển khai bổ sung hệ thống nhận dạng khuôn mặt, cửa từ để cấp thẻ, số hóa, nhận diện bạn đọc. - Lấy dữ liệu từ hệ thống thư viện Quảng Bình cũ để đồng bộ vào hệ thống sau hợp nhất. - Triển khai các thiết bị tủ nhận trả sách tự động 24/7 - Triển khai bổ sung hệ thống camera giám sát an ninh, thiết bị phụ trợ thư viện, nâng cấp trải nghiệm cho người dùng dịch vụ đọc. - Triển khai nâng cấp hạ tầng cài đặt, hạ tầng lưu trữ, đồng bộ đăng nhập Tài khoản VNID và tích hợp lên ứng dụng “QUANGTRI-S” - Đảm bảo an toàn thông tin theo quy định của Bộ KHCN 	
30.	Dự án triển khai hệ thống Wi-Fi chào	Sở		<ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt và cung cấp hệ 	Năm 2026 -

STT	Nội dung nhiệm vụ / đề án/ dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	mừng du khách đến tham quan du lịch và quảng bá tại các điểm du lịch	VHTT&DL		thông mạng Internet không dây (Wi -Fi), kết hợp thông tin quảng bá du lịch tại các khu vực công cộng trọng điểm. - Mục tiêu cụ thể nhằm đến nhóm địa điểm chính: các điểm du lịch, các khu di tích lịch sử ... Điều này nhằm phục vụ nhu cầu kết nối thiết yếu của khách du lịch và người dân khi đến các khu vực này	2029
31.	Nền tảng du lịch thông minh	Sở VHTT&DL		Xây dựng hệ sinh thái số ngành du lịch, tích hợp đa tiện ích nhằm hỗ trợ toàn diện cho du khách trong suốt hành trình (trước, trong và sau chuyến đi). - Tạo lập môi trường kết nối số giữa Nhà quản lý - Doanh nghiệp - Du khách; số hóa công tác quản lý và quảng bá xúc tiến du lịch - Tích hợp đồng bộ vào hệ thống IOC tỉnh Quảng Trị	Năm 2026 - 2027
32.	Tạo lập CSDL chuyên ngành KCN, KKT tỉnh	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh		- Xây dựng, số hóa, phát triển dữ liệu và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia	Năm 2026 - 2030

STT	Nội dung nhiệm vụ / đề án/ dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
				<p>thành phần, cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành, lĩnh vực của tỉnh về thông tin các KCN, KKT trong tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật thông tin về quy hoạch, đầu tư, hạ tầng kỹ thuật, sử dụng đất, hoạt động của doanh nghiệp..., để phục vụ công tác quản lý và cung cấp thông tin đến các doanh nghiệp, nhà đầu tư có nhu cầu tìm hiểu đầu tư. - Từ dữ liệu được xây dựng qua việc thu thập và cập nhật để ứng dụng công nghệ thông tin trong tìm kiếm, xử lý thông tin và cập nhật thông tin khi có thay đổi hay điều chỉnh các dự liệu về lĩnh vực để cung cấp thông tin, số liệu trực quan phục vụ cơ quan nhà nước, người dân, doanh nghiệp. 	
33.	Tạo lập CSDL chuyên ngành trên hệ thống, ERIS, GIS, BIM	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh		Xây dựng CSDL chuyên ngành trên hệ thống, ERIS, GIS, BIM	Năm 2026 - 2030
34.	Xây dựng và thực hiện Đề án “Giám sát	BQL VQG		Hoàn thành Đề án	Năm 2026

STT	Nội dung nhiệm vụ / đề án/ dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
35.	diễn biến rừng Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng bằng phương pháp giải đoán ảnh vệ tinh. Triển khai hệ thống bán vé, kiểm soát tự động tại các điểm tham quan thuộc Trung tâm Du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng	Phong Nha - Kẻ Bàng BQL VQG Phong Nha - Kẻ Bàng (Trung tâm DL PNKB)		Đưa hệ thống bán vé, kiểm soát tự động vào hoạt động	Năm 2026
36.	Tạo App “Du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng” sử dụng trên các thiết bị thông minh cho phép người dùng tìm kiếm, sử dụng bản đồ, đặt nhanh các dịch vụ	BQL VQG Phong Nha - Kẻ Bàng (Trung tâm DL PNKB)		Hoàn thành App “Du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng” và đưa vào sử dụng	Năm 2026
37.	Xây dựng Zalo Mini App	BQL VQG Phong Nha - Kẻ Bàng (Trung tâm DL PNKB)		Hoàn thành App Mini Zalo	Năm 2026
38.	Nâng cấp Website của Trung tâm Du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng	BQL VQG Phong Nha - Kẻ Bàng (Trung tâm DL PNKB)		Website được nâng cấp	Năm 2026
39.	Lắp đặt phòng họp trực tuyến tại Văn Phòng BQL Vườn	BQL VQG Phong Nha		Có 01 phòng họp trực tuyến	Năm 2026

STT	Nội dung nhiệm vụ / đề án/ dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
40.	Mua bản quyền Arcgis online và các ảnh viễn thám	- Kế Bàng BQL VQG Phong Nha - Kế Bàng		Đề hỗ trợ cho giám sát và phân tích diễn biến tài nguyên.	Năm 2026
41.	Cơ sở dữ liệu giá tại địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Sở Tài chính		Cơ sở dữ liệu giá tại địa phương	Năm 2026
42.	Ứng dụng Trợ lý tri thức thông minh (AI Assistant) cho Ngành Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Tối ưu hóa quá trình ra quyết định và nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn cho cán bộ, người dân, và doanh nghiệp trong ngành. Hệ thống này sử dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) để tổng hợp, phân tích, và xử lý lượng lớn dữ liệu (về khí hậu, đất đai, dịch bệnh, quy định pháp luật) thành các khuyến nghị, cảnh báo, và câu trả lời tức thời, cá nhân hóa. Điều này giúp cán bộ quản lý đưa ra các quyết định chính sách hiệu quả hơn	Năm 2026
43.	Nâng cấp Xây dựng Cơ quan số thông minh (Smart Office) tại cơ quan Sở	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Nâng cao năng suất và hiệu suất công việc bằng cách tự động hóa các quy trình quản lý, vận hành nội bộ (như quản lý văn bản, lịch làm việc, tài sản, hồ sơ điện	Năm 2026

STT	Nội dung nhiệm vụ / đề án/ dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
44.	Phát triển và ứng dụng Triển khai Hệ thống Phân tích và Xử lý Dữ liệu (BI/Big Data) chuyên ngành			<p>từ), tạo lập một môi trường làm việc không giấy tờ, kết nối thông suốt giữa các phòng ban, và cung cấp các công cụ hỗ trợ thông minh cho cán bộ, giúp lãnh đạo ra quyết định nhanh chóng, chính xác dựa trên dữ liệu thời gian thực.</p> <p>Khai thác triệt để dữ liệu lớn (Big Data) đã được số hóa để nâng cao năng lực phân tích và dự báo trong lĩnh vực chuyên môn. Hệ thống này sẽ giúp tổng hợp, xử lý, và chuyển hóa lượng lớn dữ liệu đa dạng (từ hệ thống GIS, CSDL chuyên ngành, IoT, môi trường...) thành thông tin tình báo kinh doanh (BI) và báo cáo chuyên sâu đa chiều. Từ đó, cung cấp các cảnh báo sớm, mô phỏng xu hướng, và các luận cứ khoa học, thời gian thực để hỗ trợ lãnh đạo và chuyên viên ra quyết định chiến lược, điều hành, và xây dựng chính sách một cách chính xác, hiệu quả</p>	Năm 2026

STT	Nội dung nhiệm vụ / đề án/ dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
45.	Nâng cấp, tích hợp, đồng bộ hóa hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung về Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Thủy lợi và PCTT)		hơn, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong ngành. Nâng cấp, tích hợp, đồng bộ hóa các CSDL, phần mềm, website chuyên ngành phòng chống thiên tai của 2 tỉnh cũ vào một hệ thống dùng chung duy nhất; phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, cảnh báo sớm và cung cấp dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân.	Năm 2026 - 2027
46.	Hệ thống giám sát sâu, rầy thông minh	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Trồng trọt và BVTV)		Ứng dụng công nghệ cao (như IoT, AI, và viễn thám) để tự động hóa công tác điều tra, dự báo, và cảnh báo sâu, rầy hại cây trồng (đặc biệt là cây lúa) một cách chính xác và kịp thời	Năm 2026
47.	Chuyển đổi số Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục		Xây dựng phần mềm và CSDL tập trung để quản lý toàn diện các sản phẩm, chủ thể OCOP. Tích hợp công nghệ truy xuất nguồn gốc (QR code, Blockchain) và hỗ trợ đưa 100%	Năm 2026

STT	Nội dung nhiệm vụ / đề án/ dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
48.	Xây dựng phần mềm quản lý lĩnh vực kinh tế hợp tác và trang trại	KTHH & QLCL) Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục KTHH & QLCL)		sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử, nâng cao giá trị và thương hiệu sản phẩm. Tin học hóa, chuẩn hóa và tối ưu hóa quy trình quản lý nhà nước, nhằm cung cấp dữ liệu chính xác, kịp thời về tình hình hoạt động, quy mô, và hiệu quả sản xuất kinh doanh của hợp tác xã, tổ hợp tác, và trang trại. Điều này giúp tăng cường minh bạch, rút ngắn thủ tục hành chính, hỗ trợ cơ quan quản lý ra quyết định và xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển các mô hình kinh tế này một cách bền vững và hiệu quả	Năm 2026
49.	Tiếp tục xây dựng, mở rộng cơ sở dữ liệu về nguồn giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn các xã còn lại của tỉnh Quảng Trị	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm Lâm)		Hoàn thiện hệ thống quản lý giống cây lâm nghiệp trên phạm vi toàn tỉnh. Điều này đảm bảo kiểm soát chặt chẽ chất lượng và truy xuất nguồn gốc của cây giống, cung cấp thông tin chính xác, đồng bộ để phục vụ hiệu quả cho công tác quy hoạch, phân bổ nguồn giống, từ đó nâng	Năm 2026

STT	Nội dung nhiệm vụ / đề án/ dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
50.	Xây dựng các mô hình điểm ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Trung tâm Khuyến nông)		cao năng suất, chất lượng, và hiệu quả của hoạt động trồng rừng, góp phần vào sự phát triển bền vững của ngành lâm nghiệp tỉnh. Xây dựng 3-5 mô hình điểm ứng dụng công nghệ số (IoT, AI, Drone) trong các lĩnh vực sản xuất chủ lực (trồng trọt, chăn nuôi). Các mô hình này sẽ là nơi trình diễn, đào tạo, nhân rộng, thúc đẩy kinh tế số nông nghiệp.	Năm 2026
51.	Số hoá hồ sơ, tài liệu đất đai tỉnh Quảng Trị	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Văn phòng Đăng ký đất đai)		Chuyển đổi toàn bộ hồ sơ đất đai từ dạng giấy sang dạng số, xây dựng một Hệ thống hồ sơ địa chính điện tử thống nhất, đầy đủ và an toàn	Năm 2026-2028
52.	Chuyển đổi, cập nhật bỏ sung CSDL đất đai từ ViLIS của 145 xã tỉnh Quảng Bình (cũ) vào hệ thống CSDL đất đai VBDLIS phục vụ vận hành CSDL thống nhất trên	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Thiết lập một hệ thống CSDL đất đai thống nhất, hiện đại, và đồng bộ trên phạm vi toàn tỉnh Quảng Trị, khắc phục tình trạng	Năm 2026

STT	Nội dung nhiệm vụ / đề án/ dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	toàn tỉnh Quảng Trị	trường (Văn phòng Đăng ký đất đai)		phần mềm dữ liệu lịch sử. Qua đó, hệ thống này sẽ phục vụ hiệu quả công tác quản lý, khai thác, và chia sẻ thông tin đất đai tập trung, đồng thời giúp rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tăng cường minh bạch và hiện đại hóa dịch vụ công về đất đai cho người dân và doanh nghiệp.	
53.	Xây dựng Hệ thống giám sát rừng thông minh	Sở Nông nghiệp và Môi trường (BQL Khu DTTN Đông Châu - Khe Nước Trong)		Xây dựng CSDL chuyên ngành lâm nghiệp, ứng dụng công nghệ (Drone, AI) để giám sát tài nguyên rừng, cảnh báo cháy, quản lý đa dạng sinh học, phục vụ công tác quản lý hiệu quả và sẵn sàng tích hợp vào nền tảng CSDL chung của ngành và tỉnh.	Năm 2026 - 2027
54.	Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 tại cơ sở; Thường xuyên rà soát bổ sung, kiện toàn thành viên; tập huấn trang bị kiến thức và kỹ năng để các tổ chức này	UBND cấp xã	Sở KH&CN, các tổ chức chính trị - xã hội.	Báo cáo hoạt động định kỳ của các Tổ CNSCD và Đề án 06; Tổ chức các buổi tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng.	Định kỳ hàng quý

STT	Nội dung nhiệm vụ / đề án/ dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	Thực sự là cánh tay nối dài của chính quyền số				
55.	Duy trì kết nối liên thông dữ liệu chỉ đạo, điều hành giữa các cấp: Bảo đảm dữ liệu vận hành từ cấp tỉnh đến cấp xã được liên thông theo thời gian thực.	Sở KH&CN	Văn phòng UBND tỉnh; Các sở, ban, ngành, địa phương	Hệ thống báo cáo, điều hành hoạt động thông suốt; Báo cáo giám sát tình trạng kết nối.	Thường xuyên
56.	Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và bảo mật: Triển khai các giải pháp, phương án đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và bảo mật cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu nhằm phục vụ người dân, doanh nghiệp.	Công an tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; Sở KH&CN; Các sở, ban, ngành, địa phương	Triển khai các giải pháp giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin trong chuyên đổi số trên địa bàn tỉnh. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện phương án dự phòng, kích bản ứng phó sự cố khi hệ thống bị lỗi, bị tấn công, bảo vệ dữ liệu và khôi phục hoạt động trong trường hợp bị tấn công mạng hoặc xảy ra sự cố an ninh thông tin, bảo đảm phục vụ người dân, doanh nghiệp không bị gián đoạn, an toàn.	Trước 31/12/2026 và duy trì thường xuyên
57.	Ưu tiên bố trí nguồn lực cho các nhiệm vụ CDS: Cân đối và phân bổ kinh phí phục	Sở Tài chính; các	Sở KH&CN	Văn bản phân bổ, giao dự toán kinh phí phục vụ số hóa, trang	Trước 31/12/2026

STT	Nội dung nhiệm vụ / đề án/ dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	vụ số hóa, mua sắm trang thiết bị, đường truyền, đào tạo nhân lực, cải tạo nâng cấp hạ tầng số.	sở, ban, ngành, địa phương		thiết bị đầu cuối, đường truyền, đào tạo nhân lực, cải tạo hạ tầng số. Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn, lồng ghép nhiệm vụ chuyên đổi số vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030; ưu tiên đầu tư các hạng mục thiết yếu, liên thông.	
58.	Dự phòng ngân sách cho các nhiệm vụ đột xuất về CDS: Bảo đảm có khoản dự phòng ngân sách để chủ động xử lý tình huống phát sinh.	Sở Tài chính; các địa phương	Các sở, ban, ngành, địa phương	Tờ trình và Quyết định của UBND tỉnh về việc bố trí nguồn kinh phí dự phòng.	Trước 31/12/2026
59.	Tổ chức báo cáo tiến độ định kỳ lên Trung ương, Tỉnh ủy: Tổng hợp báo cáo tiến độ theo tháng, cập nhật dữ liệu vào hệ thống Dashboard của Ban Chỉ đạo Trung ương; báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh.	Sở KH&CN	Văn phòng UBND tỉnh; Các sở, ban, ngành, địa phương	Báo cáo định kỳ hàng tháng gửi Tỉnh ủy, UBND tỉnh và cập nhật lên Dashboard quốc gia.	Trước ngày 25 hàng tháng
60.	Éáo cáo tổng hợp kết quả năm 2026: Thống kê đầy đủ kết quả chuyển đổi số tiên toàn tỉnh, gửi báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành, địa phương	Báo cáo tổng kết năm 2026 về chuyển đổi số của tỉnh.	Trước 15/12/2026

STT	Nội dung nhiệm vụ / đề án/ dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	chuyên đổi số tỉnh để kịp thời báo cáo Trung ương.				